



BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC

ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG 27.04.2024

PHẦN I

- 1. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC**
- 2. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN**

PHẦN II

- 1. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
- 2. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2023**
- 3. KẾ HOẠCH NĂM 2024**

PHỤ LỤC

- 1. BÁO CÁO KIỂM TOÁN NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2023**
- 2. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT**



TÂM ĐỨC, niềm hy vọng mới của những người mắc bệnh tim

Phần I
LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN
BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC



CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC

I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH:

Viện Tim thành phố Hồ Chí Minh bắt đầu hoạt động từ 01.01.1992 đã nhanh chóng là niềm hy vọng sống của biết bao người mắc bệnh tim cần mổ để được sống, cần điều trị nội khoa hiệu quả để sớm hồi phục. Vào cuối năm 1999, Viện Tim đã mổ mỗi năm hàng ngàn trường hợp, tỷ lệ thành công là 97,6% đã có nhiều ngàn người bệnh tim được cứu sống nhưng cũng đã có hơn 5.000 người bệnh tim cần mổ còn phải đợi chờ. Làm sao để nhanh chóng cứu người đã không ngừng thôi thúc Viện Tim chuyển giao kỹ thuật cho các Bệnh viện bạn ở Huế, Hà Nội để cùng chia sẻ gánh nặng với Viện Tim, cùng mổ tim để kịp cứu người.

Vào năm 2000, được sự khuyến khích của các vị Lãnh đạo thành phố, Sở Y tế và Bộ Y tế mong muốn xây dựng thêm một Bệnh viện chuyên khoa tim hiện đại tại Thành phố Hồ Chí Minh, cùng quy mô như Viện Tim để nâng công suất mổ cả nước lên gấp 3 lần công suất của Viện Tim. Từ mục đích cao đẹp đó và trên cơ sở chính sách xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực Giáo dục, Y tế, Văn hóa Thể thao ban hành trong Nghị định số 73/1999/NĐCP ngày 19/8/1999 của Chính phủ, Bệnh viện Tim Tâm Đức đã được hình thành.

Ngày 27/10/2000 UBND thành phố Hồ Chí Minh qua công văn số 1641-VP-VX chỉ đạo Sở Y tế xem xét tạo điều kiện thành lập một Bệnh viện Tim tư nhân; Ngày 3/11/2000 Sở Y tế thành phố đã có ý kiến chỉ đạo Viện Tim hỗ trợ về đào tạo nhân lực, chuyển giao kỹ thuật cho Bệnh viện Tim tư theo công văn số 1641-VP-VX của UBNDTP; Ngày 17/5/2002 Đại hội cổ đông sáng lập Công ty cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức gồm 8 thành viên với sự giúp đỡ của các Cố vấn: TS. BS. Nguyễn Ngọc Chiêu, PGS. TS. BS. Phạm Nguyễn Vinh, BS. Phan Kim Phương và được sự ủng hộ nhiệt tình của GS. VS. Dương Quang Trung, GS. Alain Carpentier là những vị sáng lập nên Viện Tim, đã đặt những nền móng đầu tiên cho sự phát triển của Tâm Đức.

Ngày 16/07/2002 Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103001109 cho



Công ty cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức. Năm 2004 Bệnh viện Tim Tâm Đức thuộc Công ty cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức được khởi công xây dựng trên diện tích 10.000m² tại số 04 Nguyễn Lương Bằng, P.Tân Phú, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh. Diện tích sử dụng 17.984 m², quy mô 180 giường, có đầy đủ các khoa:

- Khoa Khám điều trị ngoại trú có khả năng khám và điều trị mỗi ngày từ 300 đến 400 người bệnh về tim mạch; về chuyên Khoa Mắt, Tai Mũi Họng, Răng Hàm Mặt, Sản Phụ khoa có liên quan vấn đề tim mạch, về cận lâm sàng và xét nghiệm.

- Khoa Phẫu thuật tim và mạch máu có 72 giường điều trị và 2 phòng mổ hiện đại có khả năng mổ 4-6 ca /ngày, 1.000 đến 1.200 ca/năm với các bệnh lý Tim bẩm sinh, bệnh van tim, bệnh động mạch vành và các bệnh tim và mạch máu khác.

- Khoa Hồi sức ngoại tim mạch có 15 giường Hồi sức sau mổ tim có khả năng điều trị hiệu quả những trường hợp hậu phẫu nặng, cho những bệnh nhi rất nhỏ tuổi cũng như những bệnh nhân rất nhiều tuổi.

- Khoa Hồi sức cấp cứu nội tim mạch có 18 giường, điều trị cấp cứu và hồi sức tích cực các bệnh lý tim mạch.

- Khối Nội tim mạch có 80 giường được tổ chức thành 3 Khoa NTM 1,2,3, điều trị nội các bệnh lý tim mạch cũng như những bệnh lý khác có liên quan đến tim mạch, có Phòng thăm dò chức năng tim mạch (Siêu âm Tim, ECG gắng sức), Phòng thăm dò loạn nhịp, khảo sát điện sinh lý tim để chẩn đoán cắt đốt hoặc cấy đặt các thiết bị điều trị rối loạn nhịp tim và Khoa thông tim can thiệp có khả năng thông tim can thiệp 5-6 trường hợp mỗi ngày, điều trị bệnh lý mạch vành, bệnh lý mạch máu khác, bệnh lý tim bẩm sinh và siêu âm trong lòng mạch (IVUS).

Bệnh viện Tim Tâm Đức tổ chức đơn vị Tiếp tân chuyên nghiệp, hướng dẫn chu đáo cho người đến khám bệnh, có nhà hàng phục vụ ăn uống và giải khát lịch sự, là nơi cung cấp thức ăn cho bệnh nhân điều trị nội trú cũng như thân nhân người bệnh với nguồn thực phẩm đảm bảo chất lượng, là nơi có thể tổ chức hội nghị khoảng 300 người. Đặc biệt Bệnh viện Tim Tâm Đức có bãi đáp trực thăng dành cho trường hợp cấp cứu khẩn cấp trong tương lai khi điều kiện cho phép.

Sau 18 tháng xây dựng và hơn 2 năm đào tạo đội ngũ chuyên khoa nội, ngoại khoa cho hơn 100 bác sĩ và y tá, Bệnh viện Tim Tâm Đức đã chính thức khánh thành vào ngày 08/03/2006 và đã nhanh chóng trở thành niềm hy vọng mới của những người mắc bệnh tim cần mổ để được sống, cần thông tim can thiệp kịp thời, điều trị loạn nhịp tiên tiến hoặc điều trị nội khoa hiệu quả.





CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC

- Tên giao dịch: **TAM DUC CARDIOLOGY HOSPITAL JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt: **TAM DUC CO.**
- Địa chỉ: Số 04 Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Tel: (028) 54110025 Fax: (028) 54110029
- Website: www.tamduchearthospital.com.vn
- Mã số doanh nghiệp: 0302668322 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp lần đầu ngày 16/7/2002; đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 25/06/2015.
- *Vốn điều lệ: 155.520.000.000 đồng (một trăm năm mươi lăm tỷ năm trăm hai mươi triệu đồng chẵn).*
- Người đại diện theo pháp luật của công ty:
TS.BS. NGUYỄN NGỌC CHIẾU Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Công ty cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức là công ty đại chúng theo công văn số 08/UBCK-QLPH ngày 17/01/2008 của UBCK Nhà nước.
- Công ty cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức chính thức đăng ký giao dịch trên sàn Upcom qua quyết định số 65/QĐ-SGDHN do Tổng giám đốc SGDCK Hà nội cấp ngày 23/01/2017. Ngày giao dịch đầu tiên là 06.02.2017. Giá tham chiếu là 36.000 đồng/cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu: 15.552.000 cổ phiếu
- Mệnh giá của cổ phiếu: 10.000đ/cổ phiếu

II. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN:

1. PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN:

Từ 08/3/2006 đến 31/12/2023, sau 18 năm hoạt động Bệnh viện Tim Tâm Đức đã khám điều trị ngoại trú cho 1.312.471 người bệnh; điều trị nội trú 84.497 người bệnh trong đó gần 60% từ các tỉnh miền Trung và đồng bằng sông Cửu Long. Đã mổ 11.525 trường hợp tim bẩm sinh, bệnh van tim và bệnh mạch vành; đã thông tim can thiệp cho 22.974 trường hợp; đã khảo sát điện sinh lý và đặt máy tạo nhịp cho 4.027 trường hợp. Đặc biệt trước kia những người nước ngoài làm việc tại Việt nam mắc bệnh tim thường phải được cấp cứu chuyển sang nước ngoài điều trị rất phức tạp, nguy hiểm và tốn kém. Những năm gần đây, người nước ngoài làm việc tại Việt nam (Mỹ, Pháp, Nga, Ý, Anh, Đức, Nhật, Hàn quốc, Ấn độ, Đài loan, Singapore, Lào, Campuchia...) có vấn đề về tim mạch đã đến Tâm Đức để cấp cứu, thông tim, điều trị loạn nhịp và mổ bắc cầu động mạch vành.

Ngoài hoạt động khám, chữa bệnh, Bệnh viện Tim Tâm Đức còn phải chăm lo cho những người nghèo để cho họ cũng có cơ hội được chữa trị.

Không chỉ những người có khả năng chi trả chi phí mới được mổ tại Bệnh viện Tim Tâm Đức mà nơi đây còn là địa chỉ tin cậy để các Tổ chức từ thiện, Hội bảo trợ Bệnh nhân nghèo các tỉnh, Thành trong cả nước tin tưởng gửi các cháu bị bệnh tim bẩm sinh đến phẫu thuật. Tổng số các cháu được phẫu thuật tim do BHYT, các tổ chức và cá nhân từ thiện tài trợ đóng thay chi phí từ lúc Bệnh viện bắt đầu hoạt động đến 31.12.2023 là 6.864 trường hợp chiếm tỷ lệ 60% tổng số bệnh nhân được mổ (6.864/11.525), với tổng số tiền được tài trợ lên đến 450 tỷ đồng.

Bệnh viện luôn coi trọng công tác đào tạo chuyên môn, giúp đỡ y tế tuyến trước, tổ chức các khoá học về điện tâm đồ; chẩn đoán và điều trị loạn nhịp tim; định kỳ cử các bác sĩ đứng đầu các Khoa về y tế cơ sở ở thành phố Hồ Chí Minh cũng như các tỉnh miền Trung và đồng bằng sông Cửu Long sinh hoạt chuyên môn, trao đổi kinh nghiệm trong chẩn đoán và điều trị các bệnh về tim mạch.

2. PHÁT TRIỂN CƠ SỞ:

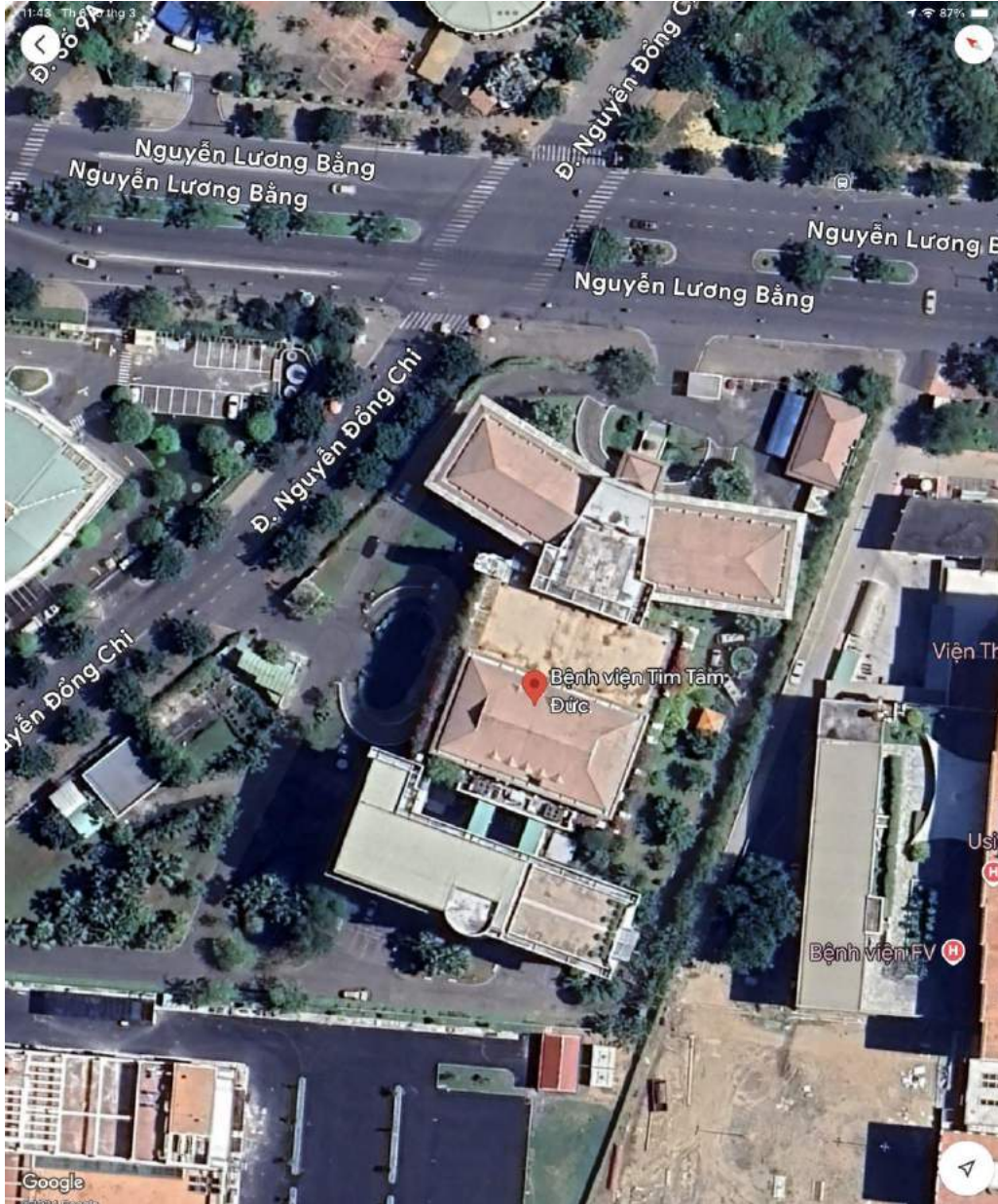
Bệnh viện Tim Tâm Đức đã được xây dựng 17.322 m² trên diện tích 10.000m² do UBND TP giao đất sử dụng trong 50 năm, khánh thành ngày 08/03/2006.

Ngày 03/02/2005, Tâm Đức được Ủy Ban Nhân Dân Thành phố cho thuê thêm có trả tiền sử dụng đất hàng năm 5.000 m² ở khu vực phía sau liền kề để mở rộng cơ sở để xứng tầm khu vực

Ngày 18/09/2009, Bệnh viện Tim Tâm Đức được phép xây dựng khu vực phía sau gồm 8 tầng, diện tích sàn xây dựng: 7.067m² để phát triển thêm 2 khu hồi sức nội và ngoại với 40 giường hồi sức; 2 phòng can thiệp tim mạch; 1 phòng khám số 2 có khả năng khám và điều trị ngoại trú cho 250 bệnh nhân/ngày và 3 Khoa điều trị mới với 80 giường.

Dự án đã được khởi công ngày 21/06/2010, hoàn thành vào cuối tháng 9/2011, hoạt động từ tháng 10.2011.

Đến nay, Tâm Đức có 2 khu khám ngoại trú, 236 giường nội trú, 6 Khoa điều trị nội và ngoại tim mạch, khu khám bệnh, điều trị và hồi sức đặc biệt, 2 phòng Thông tim can thiệp, 1 Phòng điện sinh lý tim, 3 phòng mổ, cấp cứu và 2 khoa Hồi sức tim mạch, 2 phòng chụp X Quang cắt lớp (MSCT).



Bệnh viện tim Tâm Đức nhìn từ trên cao của Google Maps

3. PHÁT TRIỂN VỐN ĐIỀU LỆ:

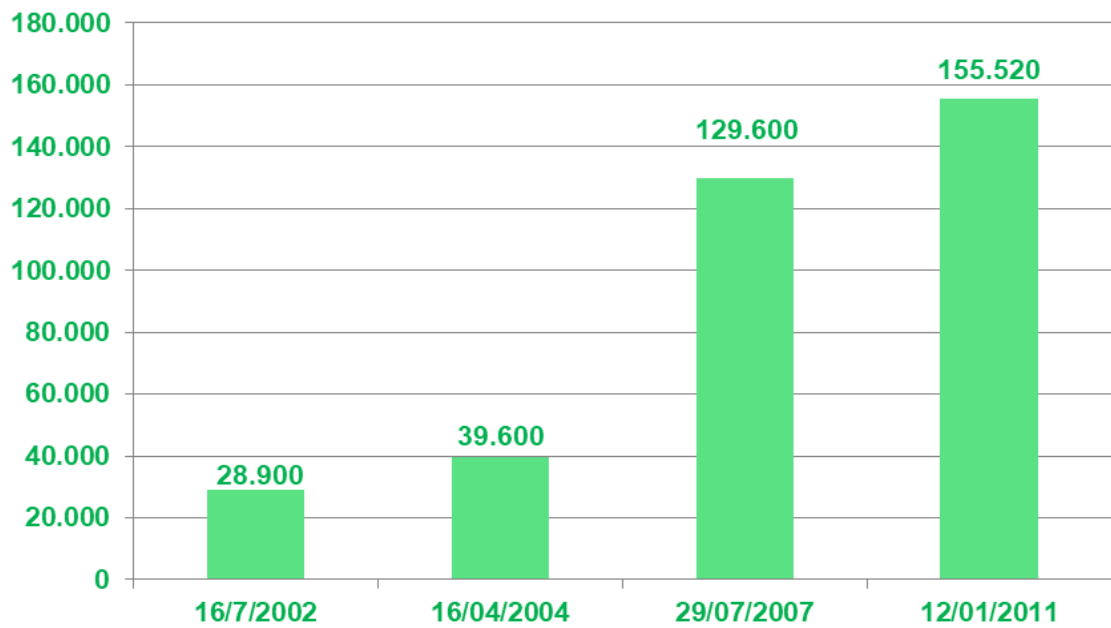
Công ty được thành lập ngày 16/07/2002 vốn điều lệ ban đầu là 28,9 tỷ đồng.

Đã có 2 đợt tăng vốn điều lệ trong các năm 2004 và 2007 theo các nghị quyết của Đại Hội Cổ Đông.

Ngày 24/04/2010, Đại hội cổ đông thường niên đã thông qua nghị quyết tăng vốn góp thêm 25,92 tỷ đồng từ các cổ đông hiện hữu. Ngày 12/01/2011, Công ty đã hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu (theo Giấy chứng nhận chào bán số 733/UBCK-GCN ngày 16/11/2010 của UBCKNN), vốn điều lệ hiện nay là 155,52 tỷ đồng. Tổng số cổ đông đến ngày 31.12.2023 là 274, có 07 cổ đông cá nhân nước ngoài, sở hữu 40.000 cổ phiếu, chiếm 0,26% vốn điều lệ; 04 cổ đông tổ chức nước ngoài, sở hữu 36.800 cổ phiếu, chiếm 0,24% vốn điều lệ.

BIỂU ĐỒ TĂNG TRƯỞNG VỀ VỐN GÓP CỦA CỔ ĐÔNG

Đơn vị : triệu đồng



*Phẫu thuật tim hở với tuần hoàn ngoài cơ thể tại TÂM ĐỨC
BS. Phan Kim Phương, phẫu thuật viên tim chính*



ThS.BS. Phan Kim Phuong, tu nghiệp tại BV Broussais, Pháp (1989-1991),
Phẫu thuật viên trưởng phẫu thuật tim Viện tim (1992-2015),
Thành viên Hội Phẫu thuật Lồng ngực Việt Nam, Nguyên Giám đốc Viện Tim



ThS.BS. Phan Kim Phuong,
*Sáng lập - Cố vấn Chuyên môn-Thành viên Hội đồng Quản trị
Bệnh viện Tim Tâm Đức*



TS.BS. Tôn Thất Minh
Thành viên Hội Nhịp tim Châu Á Thái
Bình dương (APHRs)
Chủ tịch Hội Nhịp Học Tp. HCM
Chủ tịch Hội Nhịp học Việt Nam
Giám đốc Bệnh viện Tim Tâm Đức

TS.BS. Tôn Thất Minh
tu nghiệp tại BV Jean Rostang, Paris, Pháp (1998-1999)



TS.BS. Tôn Thất Minh
Hội nghị ESC 2023 tại Hà Lan



TS.BS. Tôn Thất Minh
Hội nghị AFES 2023 tại Thái Lan



TS.BS. Tôn Thất Minh
Hội nghị ADA 2023 tại Mỹ



TS.BS. Chu Trọng Hiệp
Tu nghiệp tại BV Georges Pompidou, Paris, Pháp (2002-2003)
Ủy viên Ban Chấp hành Hội phẫu thuật tim mạch lồng ngực
Việt Nam và Tp. HCM
Hội viên Hội tim mạch Việt Nam



TS.BS. Chu Trọng Hiệp
Giám đốc Ngoại Tim Mạch Bệnh viện Tim Tâm Đức



TS.BS. Đinh Đức Huy
Thành viên Hội can thiệp tim mạch Hoa kỳ (FSCAI)
Thành viên Hội tim mạch can thiệp Châu Á
Thái Bình dương (FAPSIC)
Thành viên Hội tim mạch Đông Nam Á (FASCC)
Thành viên Hội Tim mạch Can thiệp Tp. HCM
Thành viên Hội Tim mạch Can thiệp Việt Nam
Giám đốc Nội tim mạch Bệnh viện Tim Tâm Đức

TS.BS. Đinh Đức Huy,
dự Hội nghị chuyên đề lần thứ 19
về can thiệp tim mạch tại Malaysia 2023



TS.BS. Đinh Đức Huy,
Chủ tọa đoàn & Báo cáo viên
Singapore Live 2024



TS.BS. Đinh Đức Huy
Báo cáo tại Hội nghị Can thiệp
Động mạch vành tiên phát Châu Á 2024



ThS.BS. Nguyễn Huỳnh Khương,
Tu nghiệp tại Viện Tim Mạch Quốc gia Malaysia
(Institut Jantung Negara) (2006-2007)
Thành viên Hội Tim mạch Can thiệp Việt Nam
*Phó Giám đốc Thông tin can thiệp và Bệnh lý mạch máu
Bệnh viện Tim Tâm Đức*



ThS.BS. Nguyễn Huỳnh Khương
Báo cáo tại Hội nghị thường niên Thông tin can
thiệp Châu Á (Speaker- 1st Asian ECC) 2017



PGS.TS.BS. Nguyễn Thị Bích Đào
Phó Chủ tịch Hội Nội tiết-Đái tháo đường Việt nam
Chủ tịch Hội Đái tháo đường và Nội tiết Tp HCM
Ủy viên Ban chấp hành hội Vietspen Viet Nam
Phó Giám đốc Nội tiết-Chuyển hóa & Dinh dưỡng Bệnh viện Tim Tâm Đức



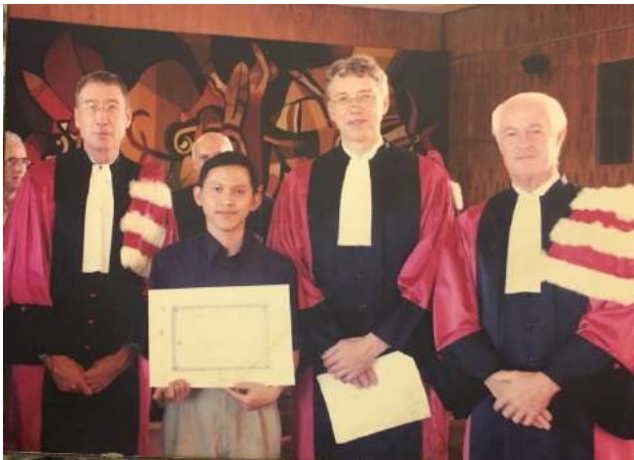
PGS.TS.BS. Nguyễn Thị Bích Đào
Chủ tọa, đồng chủ tọa, báo cáo viên tại các
hội thảo chuyên ngành tại Việt Nam



BS. CKI. Đỗ Văn Bửu Đan
Thành viên Ban Chấp Hành Hội nhịp tim Tp HCM
Thành viên Ban chấp hành phân hội nhịp học Việt Nam
Tổng Giám đốc - Phó Giám đốc Điện sinh lý tim
Bệnh viện Tim Tâm Đức



BS. CKI. Đỗ Văn Bửu Đan
Hội nghị kỷ niệm 20 năm thành tựu cắt đốt tại
Đài Loan



BS. CKI. Đỗ Văn Bửu Đan tu nghiệp tại
Université Victor Segalen de Bordeaux 2, Pháp
(2004)



BS. CKI. Đỗ Văn Bửu Đan
Thành viên cao cấp Hội Nhịp tim Hoa Kỳ
(FHRS) từ 2017

Phần II

**HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TÂM ĐỨC NĂM 2023
KẾ HOẠCH TÂM ĐỨC NĂM 2024**

A. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2023.

I. KẾT THÚC KẾ HOẠCH 2022, XÂY DỰNG KẾ HOẠCH 2023:

1. Báo cáo tài chính niên độ 2022 ngày 10.03.2023
2. Kiểm toán báo cáo tài chính niên độ 2022 do Công Ty Kiểm Toán AISC thực hiện ngày 10.03.2023, kết quả tốt.
3. Ban kiểm soát làm việc với lãnh đạo Công Ty về kết quả hoạt động năm 2022 vào ngày 22.03.2023 nhất trí với kết quả hoạt động và việc thực hiện quy trình quản lý của Công Ty.
4. Đánh giá về sức khỏe tài chính của Công Ty do Thạc sỹ Phạm Anh Dũng, Thành viên Hội Đồng Quản Trị giám sát về tài chính và một chuyên gia tài chính độc lập đều cho thấy sức khỏe tài chính của Tâm Đức tốt.
5. Xây dựng kế hoạch 2023:

Về chuyên môn:

- Năm 2023, Tâm Đức đã ổn định sau dịch Covid 19, tuy nhiên, các chỉ tiêu chuyên môn giữ ở mức tương đương 2022.
- Thông tin can thiệp và Điện sinh lý tim phải đạt trên 2.000.
- Về mổ tim: vì hiện nay số trung tâm mổ tim ở thành phố và cả nước cao hơn nhiều so với các năm trước đó. Hơn nữa, do ảnh hưởng của dịch Covid, Tâm Đức xác định kế hoạch mổ tim của 2023 là mức 400, trong đó 60% là trẻ em nghèo cần tài trợ.

Về nhân sự:

- Chủ yếu sẽ chỉ là tuyển dụng thay thế nhân viên nghỉ việc và cho các hoạt động mới. Tiếp tục đào tạo trong nước và ngoài nước.
- Lương tối thiểu vùng tăng theo quy định nên lương và mức đóng BHXH cao hơn. Do đó, tổng quỹ lương sẽ phải tăng.
- Tâm Đức bảo đảm thưởng cuối năm khi hoàn thành kế hoạch ít nhất là 2 tháng lương cơ bản.

Về tài chính:

Năm 2023 các chi phí đều cao hơn năm trước và vừa ổn định sau cơn đại dịch Covid 19, còn chưa thể xác định tình hình phát triển. Do đó, Tâm Đức phải luôn luôn tuân thủ quy định về tiết kiệm mới có thể đạt kết quả tài chính khả quan.

II. CHUẨN BỊ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG 2023:

Hội Đồng Quản Trị đã họp phiên thứ 1 năm 2023 ngày 01.03 2023 để thông qua kết quả hoạt động 2022, kế hoạch 2023, và chuẩn bị tổ chức Đại Hội Cổ Đông thường niên năm 2023.

Nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị ngày 01.03.2023 đã thông qua đánh giá hoạt động năm 2022 và xác định kế hoạch năm 2023 về chuyên môn và về tài chính ở mức tương đương năm 2022.

<i>Tổng doanh thu</i>	<i>680 tỷ đồng</i>
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>82 tỷ đồng</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế</i>	<i>74 tỷ đồng</i>
<i>Cổ tức</i>	<i>30%/mệnh giá</i>

III. ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023 NGÀY 28.04.2023:

- Tổng số cổ đông chốt danh sách ngày 29.03.2023: 254
- Tổng số cổ đông tham dự đại hội: 130
- Tổng số cổ phần tham dự đại hội: 14.468.212 cổ phần, chiếm tỷ lệ 93,03 %
- Nghị quyết của Đại Hội Cổ Đông ngày 28.04.2023:

Đại hội biểu quyết thông qua Nghị Quyết Đại Hội Cổ Đông 28.04.2023:

1. Thông qua kết quả thực hiện kế hoạch năm 2022, báo cáo kiểm toán niên độ 2022 (100%)
2. Thông qua báo cáo của Ban Kiểm Soát năm 2022. (100%)
3. Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận 2022. Mức chi trả cổ tức 2022 là 30%/mệnh giá thay vì 26% như Đại Hội Cổ Đông 2022 ngày 28.04.2022 đã quyết định. (100%)
4. Thông qua đề xuất ủy quyền HĐQT lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính niên độ 2023 (100%)
5. Thông qua kế hoạch Tâm Đức 2023 (100%)

Về nhân sự:

Tâm Đức đã hoạt động ổn định và phát triển 17 năm. Đội ngũ lãnh đạo và chuyên môn của Tâm Đức đã trưởng thành, nhưng cần tiếp tục thu dung và đào tạo sau đại học ở những vị trí kỹ thuật xung yếu như hồi sức cấp cứu, gây mê hồi sức, phẫu thuật, thông tim và điện sinh lý tim và chuẩn bị lực lượng lãnh đạo kế thừa.

Về chuyên môn:

Năm 2023, Khám bệnh, cấp cứu và điều trị nội trú tương đương 2022. Phẫu thuật tim phải đạt trên 400, thông tim can thiệp và điện sinh lý tim phải đạt trên 2.000.

Về tài chính:

Tổng doanh thu	680 tỷ đồng
Lợi nhuận trước thuế	82 tỷ đồng
Lợi nhuận sau thuế	74 tỷ đồng
Cổ tức	30%/mệnh giá

6. Thông qua kế hoạch trích quỹ 2023 (100%)
7. Thông qua kế hoạch chi trả cổ tức năm 2023 (100%)
8. Thông qua kết quả bầu thành viên ban kiểm soát thay thế BS. Nguyễn Nhị Phương đã xin miễn nhiệm ngày 10/1/2023 (100%)
9. Thông qua kế hoạch trang bị máy chụp Xquang cắt lớp (MSCT) thứ 2 có giá ở mức trên dưới 20 tỷ có cấu hình phù hợp với yêu cầu chuyên môn, phương thức do Hội đồng Quản trị quyết định (100%)



Đường vào Bệnh viện Tim Tâm Đức

IV. THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG 28.04.2023:

Năm 2023, Hội Đồng Quản Trị đã họp 5 phiên như sau:

- Hội Đồng Quản Trị NKVI đã họp ngày 01.03.2023 nhằm Đánh giá kết quả hoạt động của năm 2022, chuẩn bị Đại Hội Cổ Đông 2023. Tỷ lệ tham dự: 5/5
- Hội Đồng Quản Trị NKVI đã họp ngày 11.05.2023 nhằm triển khai Nghị quyết Đại Hội Cổ Đông 2023. Tỷ lệ tham dự: 4/5
- Hội Đồng Quản Trị NKVI đã họp ngày 17.07.2023 nhằm Đánh giá kết quả hoạt động 6 tháng đầu năm 2023 và khả năng hoàn thành kế hoạch năm 2023, Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2023, Quyết định chọn nhà cung cấp máy MSCT. Tỷ lệ tham dự: 5/5
- Hội Đồng Quản Trị NKVI đã họp ngày 10.10.2023 nhằm Đánh giá sơ bộ kết quả hoạt động 9 tháng đầu năm 2023. Quyết định mua hệ thống đầu đèn máy DSA2. Tỷ lệ tham dự: 5/5
- Hội Đồng Quản Trị NKVI đã họp ngày 14.12.2023 nhằm Đánh giá sơ bộ kết quả hoạt động năm 2023. Tạm ứng cổ tức Đợt 2 năm 2023. Tỷ lệ tham dự: 5/5

Cổ tức từ năm 2011-2023:

Năm 2011: cổ tức cả năm là 26%/mệnh giá. Tạm ứng đợt 1: 10% ngày 20.08.2011; tạm ứng đợt 2: 10% ngày 10.01.2012; đợt 3: 6% ngày 10.05.2012.

Năm 2012 : cổ tức cả năm là 26%/mệnh giá. Tạm ứng đợt 1: 10% ngày 28.08.2012; tạm ứng đợt 2: 10% ngày 28.12.2012; đợt 3: 6% ngày 11.05.2013.

Năm 2013 : cổ tức cả năm là 26%/mệnh giá. Tạm ứng đợt 1: 10% ngày 22.08.2013; tạm ứng đợt 2: 10% ngày 14.01.2014; đợt 3: 6% chi vào ngày 12.05.2014.

Năm 2014 : cổ tức cả năm là 30%/mệnh giá. Tạm ứng đợt 1: 10% ngày 15.08.2014; tạm ứng đợt 2: 10% ngày 20.01.2015; đợt 3: 10% chi vào ngày 22.05.2015.

Năm 2015: cổ tức cả năm là 30%/mệnh giá. Tạm ứng đợt 1: 10% ngày 18.08.2015; tạm ứng đợt 2: 10% ngày 21.12.2015; đợt 3: 10% chi vào ngày 20.05.2016.

Năm 2016: cổ tức cả năm là 30%/mệnh giá. Tạm ứng cổ tức đợt 1: 10% mệnh giá vào ngày 15.08.2016, tạm ứng cổ tức đợt 2: là 10%/ mệnh giá vào ngày 12.12.2016 đợt 3: 10%/mệnh giá chi vào ngày 29.05.2017.

Năm 2017: cổ tức cả năm là 33%/mệnh giá. Tạm ứng cổ tức đợt 1 là 10%/mệnh giá vào ngày 16.08.2017, cổ tức đợt 2 là 10%/mệnh giá vào ngày 19.01.2018. đợt 3: 13%/mệnh giá chi vào ngày 23.05.2018

Năm 2018: cổ tức cả năm là 33%/mệnh giá. Tạm ứng cổ tức đợt 1 là 11%/mệnh giá vào ngày 08.08.2018, cổ tức đợt 2 là 11%/mệnh giá vào ngày 21.01.2019, đợt 3 là 11%/mệnh giá vào ngày 24.05.2019.

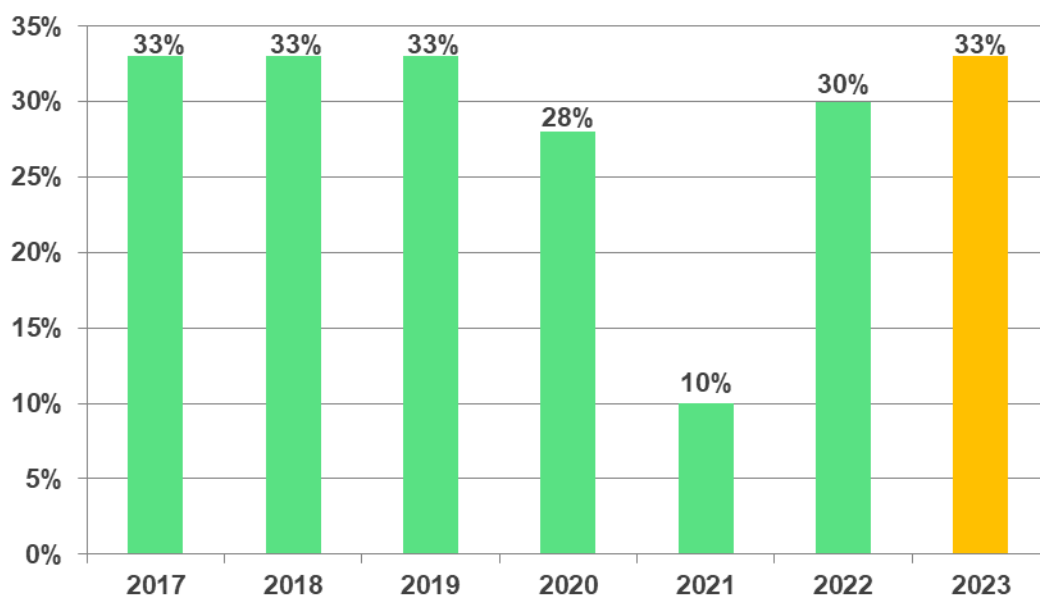
Năm 2019: Mức cổ tức 2019 là 33%/mệnh giá. Tâm Đức đã tạm ứng cổ tức đợt 1 là 11%/mệnh giá vào ngày 21.08.2019, cổ tức đợt 2 là 11%/mệnh giá vào ngày 21.11.2019, đợt 3 là 11%/mệnh giá vào ngày 26.05.2020.

Năm 2020: Mức cổ tức 2020 là 28%/mệnh giá. Tâm Đức đã tạm ứng cổ tức đợt 1 là 6%/mệnh giá vào ngày 18.08.2020, tạm ứng cổ tức đợt 2 là 8%/mệnh giá vào ngày 15.01.2021, đợt 3 là 14%/mệnh giá vào ngày 24.05.2021.

Năm 2021: Mức cổ tức 2021 là 10%/mệnh giá, chi vào ngày 27/5/2022.

Năm 2022: Mức cổ tức 2022 chi trả theo nghị quyết ĐHCĐ ngày 28.04.2022 là 26%/mệnh giá. Tâm Đức đã tạm ứng cổ tức đợt 1 là 10%/mệnh giá vào ngày 18.08.2022, tạm ứng cổ tức đợt 2 là 10%/mệnh giá vào ngày 12.01.2023. Nghị quyết ĐHCĐ ngày 28.04.2023 quyết định mức cổ tức của năm 2022 là 30%/mệnh giá. Đợt 3 là 10%/mệnh giá đã chi vào ngày 30.5.2023.

Năm 2023: Mức cổ tức 2023 chi trả theo nghị quyết ĐHCĐ 28.04.2023 là 30%/mệnh giá. Tâm Đức đã tạm ứng cổ tức đợt 1 là 10%/mệnh giá vào ngày 16.08.2023, tạm ứng cổ tức đợt 2 là 10%/mệnh giá vào ngày 10.01.2024, mức cổ tức còn lại là 10%/mệnh giá sẽ thực hiện sau khi thông qua Đại hội cổ đông ngày 27.04.2024 hoặc là 13%/mệnh giá theo ý kiến của Hội đồng Quản trị VI tại cuộc họp ngày 04/3/2024 nếu Đại hội cổ đông thông qua.



CỔ TỨC TÂM ĐỨC

V. VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Theo Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16.11.2020 về công bố thông tin của Ủy Ban Chứng Khoán, Tâm Đức đã công bố theo qui định trên trang thông tin điện tử của Bệnh viện, công thông tin điện tử của Ủy Ban Chứng Khoán và gửi Ủy Ban Chứng Khoán, công thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán và gửi Sở Giao dịch Chứng khoán.

Ngày 05.03.2024, Tâm Đức đã thông báo về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự Đại Hội Cổ Đông ngày 27.04.2024.



Đường vào cấp cứu TÂM ĐỨC



Bệnh viện Tim Tâm Đức, khu vực mới xây dựng 2012



A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

1. VỀ TỔ CHỨC NHÂN SỰ:

1.1. CƠ CẤU TỔ CHỨC

Công ty Cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức hoạt động theo Luật Doanh nghiệp năm 2000, lần lượt được thay thế bằng Luật Doanh nghiệp năm 2005, Luật Doanh nghiệp năm 2014 và Luật Doanh nghiệp năm 2020, các Luật khác có liên quan và Điều lệ của công ty. Hiện nay Công ty cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức có:

Bệnh viện Tim Tâm Đức số 04 Nguyễn Lương Bằng, P.Tân Phú, Q.7, Tp.Hồ Chí Minh.

1.2. NHÂN SỰ

1.2.1 NHÂN SỰ LÃNH ĐẠO:

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

1. TS. BS. Nguyễn Ngọc Chiêu	Sáng lập - Chủ tịch
2. ThS.BS. Phan Kim Phương	Sáng lập - Thành viên
3. TS.BS. Chu Trọng Hiệp	Thành viên
4. ThS. Phạm Anh Dũng	Thành viên
5. BS. CKI. Phạm Bích Xuân	Thành viên

2. BAN GIÁM ĐỐC

1. BS. CKI Đỗ Văn Bửu Đan	Tổng Giám Đốc- Phó Giám đốc Điện sinh lý tim
2. TS. BS. Tôn Thất Minh	Giám Đốc Bệnh viện
3. TS.BS. Chu Trọng Hiệp	Giám Đốc Ngoại tim mạch
4. TS.BS. Đinh Đức Huy	Giám Đốc Nội tim mạch
5. BS. CKI Phạm Bích Xuân	Giám Đốc Đối Ngoại
6. ThS. Phan Thị Thanh Nga	Giám Đốc Tài Chính-Kế toán trưởng
7. PGS.TS.BS. Nguyễn Thị Bích Đào	Phó Giám Đốc phụ trách Nội tiết-Chuyển hoá & Dinh dưỡng
8. ThS.BS. Nguyễn Huỳnh Khương	Phó Giám Đốc – Thông tin can thiệp và Bệnh lý mạch máu
9. BS. CKII Lý Huy Khanh	Phó Giám đốc Kế hoạch Tổng hợp
10. ThS.BS. Ngô Thị Kim Ánh	Phó Giám đốc Khám bệnh & Điều trị ngoại trú
11. BS. CKII Thái Minh Thiện	Phó Giám đốc Cấp cứu & Hồi sức Nội tim mạch
12. CN. Nguyễn Ngọc An Khôi	Phó Giám Đốc Quản lý Chất lượng Bệnh viện
13. CN. Trương Thị Mai Lan	Phó Giám Đốc Hành chánh
14. CN. Trần Thị Thanh Nhân	Phó Giám Đốc Quản trị và Tổ chức nhân sự

3. BAN KIỂM SOÁT

1. CN. Vương Thị Quỳnh Anh	Trưởng Ban
2. Bà. Bùi Thúy Kiều	Thành viên
3. BS. Lê Thị Huyền Trang	Thành viên

1.2.2. NHÂN SỰ:

Tổng số nhân viên tại thời điểm 31/12/2023 là: 547 người, thành phần như sau:

Stt	Chức danh	2018	2019	2020	2021	2022	2023	Tỷ lệ %
1	Phó Giáo sư	2	2	2	1	1	1	0,18
2	Tiến sĩ	3	3	4	4	5	5	1,00

3	Thạc sĩ y khoa	20	21	25	21	21	19	3,45
4	Chuyên khoa I	19	29	32	19	22	26	5,00
5	Chuyên khoa II	9	9	8	7	12	11	2,00
6	Bác sĩ	46	33	22	17	13	10	1,81
7	Thạc sĩ dược khoa	1	1	1	0	0	0	0,00
8	Dược sĩ CKI				1	2	2	0,36
9	Dược sĩ	5	5	6	5	9	9	1,63
10	Dược cao đẳng		1	2	5	6	10	1,81
11	Dược trung cấp	21	21	20	13	9	7	1,27
12	Dược tá	2	1	1	1	1	1	0,18
13	Điều dưỡng	237	234	227	177	208	204	37,02
14	KTV	36	37	36	33	31	32	5,81
15	Trợ thủ nha	3	3	1	0	0	0	0,00
16	Y công	69	75	75	65	72	72	13,07
17	Thạc sĩ khác	1	2	3	2	2	2	0,36
18	Đại học khác	36	38	39	33	38	39	7,08
19	Cao đẳng	9	9	12	12	13	15	2,72
20	Trung cấp	20	17	16	14	11	11	2,00
21	Khác	53	51	52	67	70	71	12,89
	Tổng số	592	592	584	496	546	547	100

Năm 2023, tổng số nhân sự là 547, tương đương năm 2022 (547/546). Số bác sĩ hiện nay là 72 (2022: 74), 86% bác sĩ là bác sĩ sau đại học.

Điều dưỡng là lực lượng rất quan trọng trong chăm sóc bệnh nhân. Số điều dưỡng hiện nay là 236 (2022: 239), 55% điều dưỡng và kỹ thuật viên là đại học và sau đại học (2 thạc sĩ điều dưỡng, 1 thạc sĩ kỹ thuật viên, 107 cử nhân điều dưỡng, 20 cử nhân kỹ thuật viên).

Tỷ lệ điều dưỡng/bác sĩ là 3,2, trên tiêu chuẩn 2,5.

1.3. BẢO HIỂM XÃ HỘI VÀ BẢO HIỂM Y TẾ CHO NHÂN VIÊN :

Đến 31/12/2023, 520 nhân viên được đóng BHXH.

Tổng số tiền trích nộp BHXH, BHYT, BHTN từ 01/01/2023 đến 31/12/2023 là 12.660.762.775 đồng (Trong đó Công ty đóng 8.506.449.989 đồng (67,19%), người lao động đóng 4.154.312.785 đồng (32,81%)).

1.4. LƯƠNG THUỞNG :

Đơn vị tính: đồng

Năm	Tổng quỹ lương	Tổng chi phí	Tỷ lệ %
2015	90.578.564.688	385.658.363.692	23,4%
2016	96.397.450.849	417.499.744.788	23,1%
2017	114.955.958.436	474.443.648.318	24,2%
2018	126.137.241.478	509.763.277.451	24,7%
2019	144.670.838.533	576.901.449.490	25,0%

2020	129.751.596.701	513.361.730.442	25,3%
2021	110.090.672.126	421.227.684.822	26,1%
2022	169.984.514.502	624.117.890.702	27,2%
2023	177.539.574.197	655.865.780.754	27,0%

Tổng quỹ lương năm 2023 là 177.539.574.197 tỷ, chiếm 27% tổng chi phí.

2. VỀ HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN:

Năm 2023, Tâm Đức thực hiện mục tiêu chất lượng điều trị và sự hài lòng của người bệnh, công suất hoạt động tốt hơn so với năm 2022.

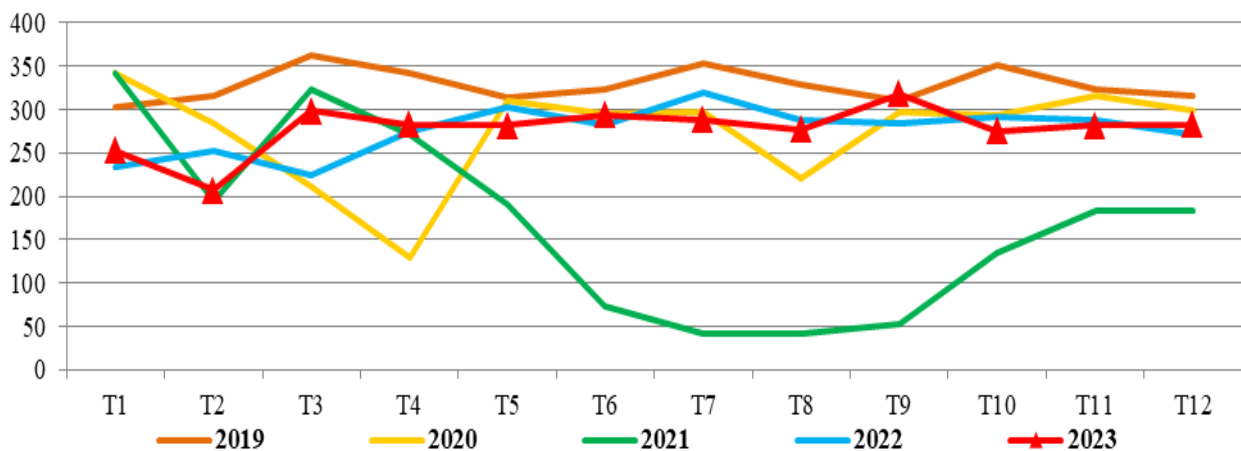
2.1. KHU KHÁM BỆNH VÀ ĐIỀU TRỊ NGOẠI TRÚ CỦA BỆNH VIỆN

a. Khu khám bệnh:

	2019	2020	2021	2022	2023
Khám tim:	91.025	74.868	46,450	76.062	78.296
<i>Khám chuyên gia theo yêu cầu</i>	38.615	29.914	18,614	25.596	26.754
<i>Khám thường quy</i>	47.420	35.870	18,822	31.057	31.145
<i>Khám khu VIP</i>	4.990	9.084	9,014	19.409	20.397
Hội chẩn ngoại	347	230	56	491	293
Hội chẩn nội	305	202	47	91	296
Khám nội tiết	1.495	1.190	601	773	976
Tổng cộng	104.627	80.537	48,258	77.417	79.816

Năm 2023, hoạt động khám bệnh tăng 3% so với năm 2022 (79.816/77.417). Mỗi ngày có hơn 300 người bệnh đến khám, trong đó 18% là bệnh nhân mới.

Biểu đồ 01: Số lượt bệnh nhân khám bình quân/ngày từ 2019 đến 2023



b. Khu Điều trị Đặc biệt:

Khu Hồi sức đặc biệt và Khu Khám điều trị đặc biệt dành cho những bệnh nhân có nhu cầu được chăm sóc và điều trị theo yêu cầu cao, bắt đầu hoạt động từ ngày 09.10.2018, đã có kết quả rất tích cực.

Khu Điều trị Đặc biệt				Khu Chăm sóc Đặc biệt	
Bệnh nội trú	Tổng số ngày điều trị		Bệnh ngoại trú	Bệnh nội trú	Tổng số ngày điều trị
2018	58	276	361	67	457
2019	316	1434	4949	242	1884
2020	300	1429	9084	181	1691
2021	233	1217	9010	179	1300
2022	446	2224	19409	553	1248
2023	406	1941	20397	565	1495
Tổng	1759	8521	63210	1787	8075

Năm 2023, người bệnh ngoại trú ở Khu Khám Đặc biệt tăng 5% so với năm 2022 (20.397/19.409). Người bệnh chọn khám ở Khu điều trị đặc biệt, 45% đối với bệnh nhân mới và 22% đối với bệnh nhân tái khám. Kết quả này thể hiện sự hài lòng của người bệnh và góp phần tích cực về mặt tài chính.

2.2. ĐIỀU TRỊ NỘI TRÚ

a. Bệnh nhân nhập viện:

	2019		2020		2021		2022		2023	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
TPHCM	2.545	51	1.702	41	1.681	57	1.766	40	1.779	38
Tỉnh phía Nam	2.770	40	2.022	49	1.049	35	2.110	48	2.163	46
Tỉnh miền Trung	349	6	308	8	146	5	357	8	475	10
Tỉnh phía Bắc	32	0	13		4		40	1	31	1
Nước ngoài	224	3	75	2	74	3	144	3	223	5
Cộng	5.920	100	4.120	100	2,954	100	4.417	100	4.671	100



Cấp cứu ngoại viện

Năm 2023, bệnh nhân nội trú tăng 6% so với năm 2022 (4.671/4.417).

Bệnh nhân của Tâm Đức chủ yếu ở Tp. Hồ Chí Minh (38%) và các tỉnh phía Nam (46%). Bệnh nhân là người nước ngoài nhiều quốc tịch đã khám ở Tâm Đức tăng qua các năm; năm 2020, 2021 có giảm do dịch Covid (năm 2019: 2.671; năm 2020: 1185; năm 2021: 1.064; năm 2022: 1.780; năm 2023: 2.494). Năm 2023, bệnh nhân là người nước ngoài đến điều trị nội trú 223 trường hợp, chiếm 5% bệnh nhân nội trú của Tâm Đức, gồm Úc, Campuchia, Canada, Hàn quốc, Đức, Trung quốc, Mỹ, Đài Loan, Philippines, Iceland.

b. Tổng số ngày nằm viện

Năm	2019	2020	2021	2022	2023
Tổng số ngày nằm viện	44.570	32.356	24.848	36.188	33.020

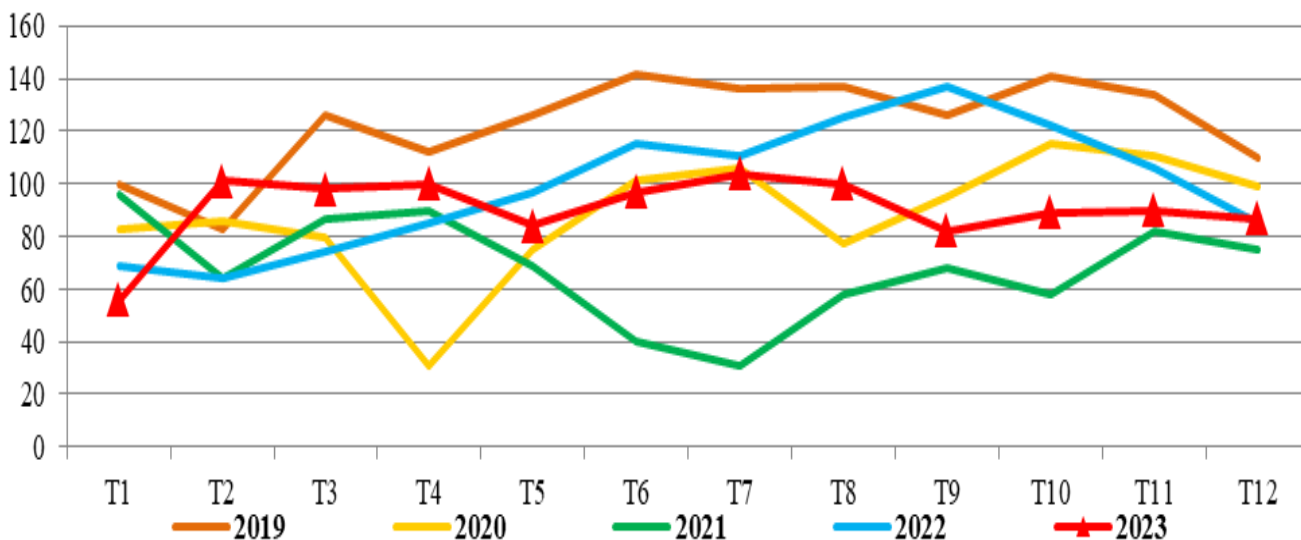
Tổng số ngày nằm viện năm 2023 thấp hơn 9% so với năm 2022.

c. Số ngày điều trị trung bình

Khoa	Số ngày điều trị trung bình				
	2019	2020	2021	2022	2023
Nội tim mạch 1	5,08	4,55	4,56	4,79	4,21
Điều trị đặc biệt	4,56	4,7	5,55	4,97	4,74
Nội tim mạch 2	3,79	3,88	5,28	3,71	3,17
Nội tim mạch 3	5,3	5,82	5,87	7,44	6,11
Nội tim mạch 4	6,39	7,07	8,68	6,31	6,2
Nội tim mạch 5	6,95	7,22	8,49	10	8,74
Nội tim mạch - mạch máu	4,27	4,66	5,75	4,93	4,22
Hồi sức cấp cứu nội tim mạch	6,74	7,64	9	7,16	6,33
Cấp cứu	3,95	1,45	1,23	4,1	4,25
Ngoại tim mạch	11,33	9,9	9,33	9,87	8,91
Hồi sức cấp cứu ngoại tim mạch	3,72	4,64	6,3	5,44	5,14

Số ngày điều trị trung bình ổn định qua các năm. Số ngày điều trị trung bình của Khôi nội từ 5-7 ngày, Ngoại tim mạch là 9 ngày, Hồi sức ngoại là 5 ngày. Ngày điều trị trung bình ở Hồi sức ngoại tăng là do những năm sau này, trẻ em mắc bệnh tim bẩm sinh đến Tâm Đức đa số là các trường hợp rất nặng.

Biểu đồ 02: Số bệnh nhân nằm viện bình quân/ngày từ 2019 đến 2023





Khu khám Điều trị Đặc biệt



Bệnh nhân người nước ngoài



Khu Điều trị Đặc biệt

d. Tỷ lệ sử dụng giường bệnh

Khoa	Tỷ lệ sử dụng giường (%)				
	2019	2020	2021	2022	2023
Nội tim mạch 1	44	41	27	44	43
Điều trị đặc biệt	53	24	27	38	33
Nội tim mạch 2	39	30	38	37	26
Nội tim mạch 3	44	39	23	37	31
Nội tim mạch 4	50	51	53	49	48
Nội tim mạch 5	51	35	18	35	30
Nội tim mạch - mạch máu	42	33	39	38	39
Hồi sức cấp cứu nội tim mạch	61	49	45	54	62
Cấp cứu	45	20	23	39	11
Ngoại tim mạch	57	35	17	40	38
Hồi sức cấp cứu ngoại tim mạch	61	55	31	71	63

Tỷ lệ sử dụng giường bệnh năm 2023 là 39%, thấp hơn so với năm 2022 (42%), còn thấp so với yêu cầu trên 50%.



2.3 THÔNG TIN CAN THIỆP

Năm	2019	2020	2021	2022	2023
1 Mạch vành	1.554	1.125	724	1.463	1.566
Chụp mạch vành	1007	750	471	978	1048
Nong mạch vành	547	375	253	485	518
2.Mạch máu	107	65	22	55	59
Chụp chẩn đoán m/ máu ngoại biên	25	9	3	8	11
Can thiệp mạch máu ngoại biên	14	6	1	3	1
Can thiệp mạch máu	3	7	0	1	0
Nong động mạch thận	0	0	0	1	0
IVUS	49	38	18	33	36
Can thiệp động mạch cảnh	3	2	0	4	3
Can thiệp động mạch chủ, bụng, ngực	9	3	0	2	4
Can thiệp động mạch chậu/dưới đòn/đùi	4	0	0	3	4
3.Nong van 2 lá bằng bóng	0	3	0	1	0
4. Nong van 2 lá bằng mitral clip	0	0	0	0	0
5. Thay van động mạch chủ qua da	0	0	0	0	0
6. Thay van động mạch phổi qua da		2	0	0	0
7. Tim bẩm sinh	143	101	19	80	53
Đóng ống động mạch	11	7	0	7	4
Đóng thông liên nhĩ	42	36	8	46	34
Đóng lỗ bầu dục				1	0
Chụp mmáu tbs	1	5	0	0	0
Đo kháng lực mạch máu phổi	1	0	0	5	0
Nong van động mạch phổi bằng bóng	11	4	2	7	4
Đo kháng lực mmáu phổi + chụp mm	61	42	8	6	9
Đo FFR	5	2	0	0	0
Đốt vách liên thất bằng cộn	6	4	1	1	0
Dò động mạch vành	0	0	0	0	1
Đặt stent động mạch phổi	1	1	0	1	0
Khoan tổn thương vôôi hóa (ROTA)	4	0	0	6	1
8. Kỹ thuật khác					44
Đặt bóng đối xung ĐMC					20
Đặt PM với điện cực trong buồng tim (TTCT)					12
Soi van					12
Tổng cộng (1+2+3+4+5+6+7)	1.804	1.296	765	1.599	1.722

Năm 2023, thông tim can thiệp cao hơn 7,7% so với năm 2022 (1.722/1.599).

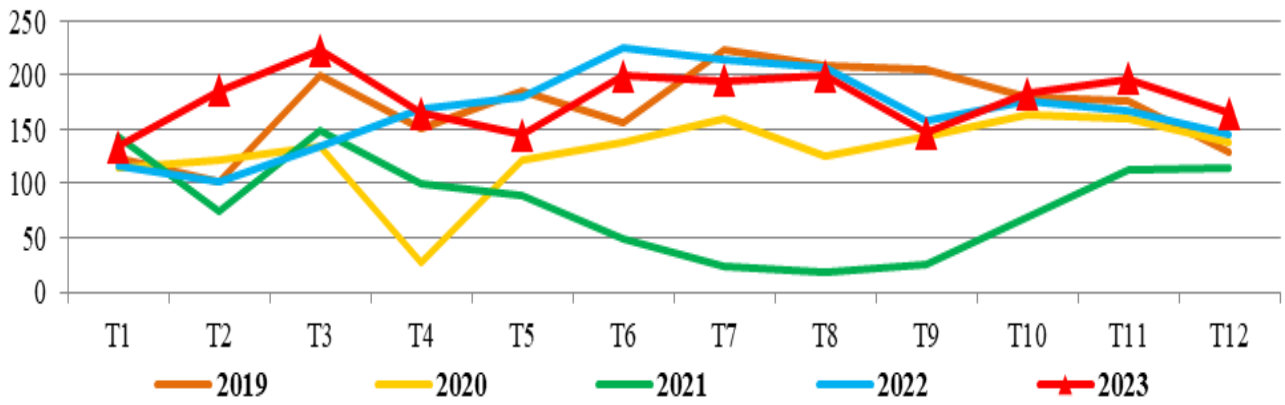
Kỹ thuật thông tim can thiệp ổn định và phát triển tốt trong nhiều năm và cứu sống được nhiều người bệnh trong 6 giờ vàng và đã phát triển thêm các kỹ thuật mới như đặt stent graft can thiệp động mạch chủ bụng, đặt stent động mạch phổi, khoan tổn thương vôôi hóa động mạch vành từ tháng 10.2022. Hiện nay các kỹ thuật thường quy của thông tim can thiệp là can thiệp động mạch vành, can thiệp động mạch cảnh, can thiệp mạch máu ngoại biên, can thiệp bệnh tim bẩm sinh, đóng thông liên nhĩ, đóng ống động mạch, đóng thông liên thất, đóng rò mạch vành, đốt nhánh xuyên vách liên thất bằng cộn, nong van 2 lá bằng bóng, bít lỗ bầu dục qua da, nong van động mạch phổi bằng bóng.

Bệnh lý tĩnh mạch triển khai từ tháng 6 năm 2022 đến nay đã thực hiện được 13 ca Muller, 23 ca chích xơ.



Thông tim can thiệp mạch vành

Biểu đồ 03: Số ca thông tim can thiệp và điện sinh lý tim hàng tháng từ 2019 đến 2023



2.4 ĐẶT MÁY TẠO NHỊP – KHẢO SÁT ĐIỆN SINH LÝ TIM

	2019	2020	2021	2022	2023
Đặt máy tạo nhịp tạm thời (ĐSL)	9	7	8	19	0
Đặt máy tạo nhịp vĩnh viễn	67	46	66	74	89
Đặt máy ICD	26	42	21	30	23
Thay dây máy tạo nhịp	5	1	3	11	4
Khảo sát điện sinh lý	42	57	24	55	38
Khảo sát cắt đốt ĐSL	65	76	54	101	102
Thay máy PM	2	0	1	23	23
Cắt đốt bằng mapping 3D	20	22	26	85	113
Chụp mạch vành cùng lúc đặt PM					24
Tổng cộng	236	251	203	398	416

Năm 2023, tăng 4,5% so với năm 2022 (416/398). Kỹ thuật mới đã phát triển, cắt đốt bằng mapping 3D điều trị nhịp nhanh trên thất giảm thời gian chiếu tia X, kỹ thuật đặt máy tạo nhịp từ bó His giảm tỷ lệ suy tim về lâu dài, thành công tốt đẹp.

Cuối tháng 6 năm 2023, Tâm Đức có thêm 1 hệ thống lập bản đồ tim 3D Carto của hãng Johnson & Johnson bên cạnh hệ thống 3D Ensite Velocity (của hãng Abbott) đang có sẵn. Từ tháng 6/2023 đến nay đã thực hiện 27 ca thành công với hệ thống Carto, giúp thực bệnh nhân có nhu cầu khảo sát và cắt đốt 3D không phải chờ đợi như trước.



2.5 PHẪU THUẬT

PHÂN LOẠI PHẪU THUẬT

	2019		2020		2021		2022		2023	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
<i>CF (mở tim kín)</i>	26	5	17	5	3	2	12	3	13	3
<i>CO (mở tim hở)</i>										
<i>I</i>	73	15	43	12	9	5	66	15	67	15
<i>II</i>	60	12	27	8	10	6	20	4	26	6
<i>III</i>	80	17	52	15	24	15	56	12	65	15
<i>IV</i>	91	20	82	22	42	25	115	26	75	17
<i>V</i>	88	18	70	20	36	22	69	16	66	15
<i>Đặc biệt</i>										
<i>MM (mạch máu)</i>										
<i>I</i>	0		3	1	3	2			2	1
<i>II</i>	9		3	1	3	2			1	0
<i>III</i>	0		0		0	0			0	0
<i>IV</i>	0		0		0	0			0	0
<i>PO (bắc cầu)</i>										
<i>PO1-2</i>	11	2	5	1	4	2	7	1	22	5
<i>PO3</i>	25	5	23	6	14	8	54	12	50	11
<i>PO4</i>	28	6	34	9	17	10	38	9	47	11
<i>PO5</i>	0	0		0	0	0	1	1	6	1
<i>Khác</i>					1	1	5	1	2	0
Tổng số	491	100	359	100	166	100	443	100	442	100

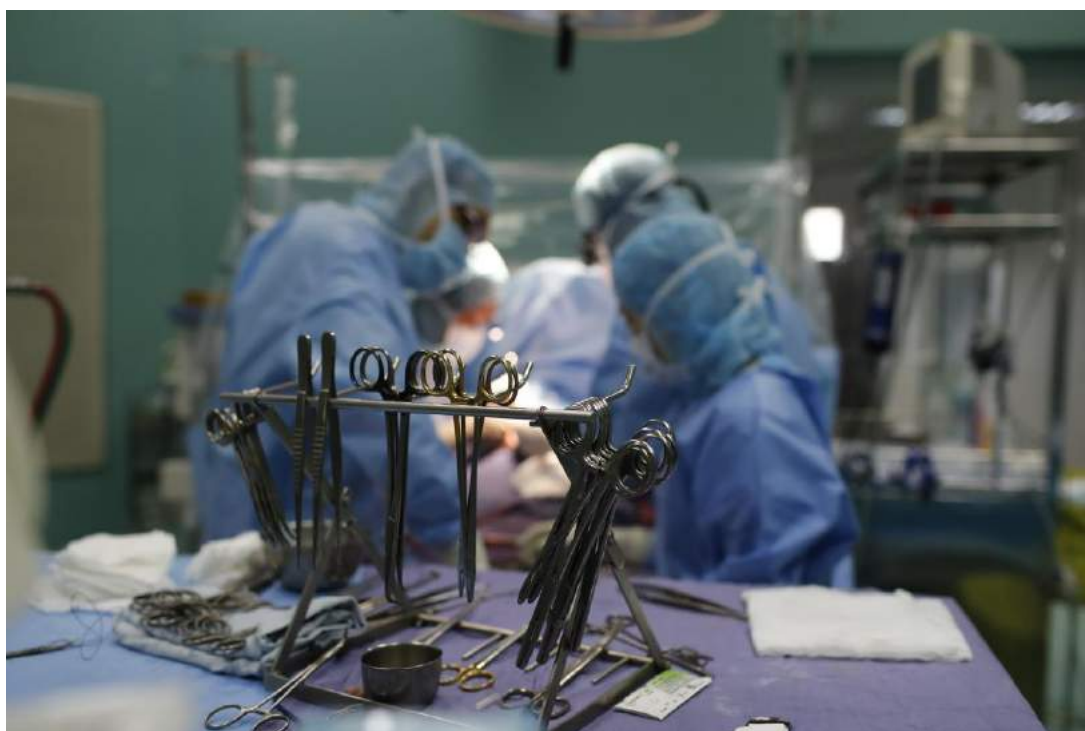
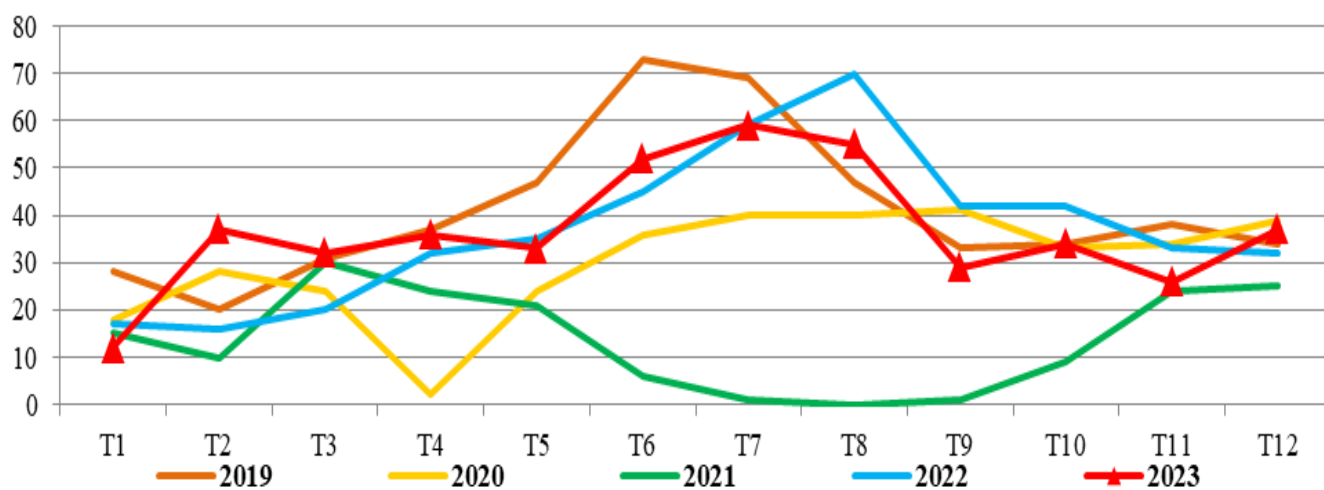
PHÂN LOẠI BỆNH LÝ

	2019		2020		2021		2022		2023	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
<i>Bẩm sinh</i>	291	59	185	52	70	42	170	38	158	36
<i>Van tim</i>	117	24	95	26	51	31	154	35	148	33
<i>Bắc cầu</i>	63	13	65	18	37	22	107	24	124	28
<i>Khác</i>	9	2	8	2	3	2	11	2	9	2
<i>Mạch máu</i>	11	2	6	2	5	3	1	1	3	1
Tổng số	491	100	359	100	166	100	443	100	442	100

Năm 2023, Tâm Đức đã tiếp tục chủ động phối hợp chặt chẽ giữa địa phương và các nhà tài trợ. Tâm Đức đã đến các tỉnh Phú Yên, Ninh Thuận, Bà Rịa Vũng tàu, Bến tre, Cà mau, Bạc Liêu, Kiên Giang, Đắk Lắk, Đồng Tháp, Lâm Đồng, Đồng Nai khám 9.146 trẻ (2022: 5.479), trong đó 183 trẻ có chỉ định phẫu thuật. Năm 2023, Tâm Đức đã mổ được 153 em, chiếm 35% tổng số ca phẫu thuật năm 2023 (153/442). Tổng số tiền giúp đỡ đóng thay cho các em của các tổ chức trong nước, ngoài nước và cá nhân tài trợ là 14.817.707.579 đồng (2022: 16.179.147.891 đồng)

Hoạt động phẫu thuật ổn định, năm 2023 đã mổ được 442 trường hợp, tương đương so với năm 2022 (442/443), vượt kế hoạch 400 ca.

Biểu đồ 04: Số ca phẫu thuật hàng tháng từ 2019 đến 2023



TÂM ĐỨC là niềm hy vọng sống của người mắc bệnh tim



Lãnh đạo các sở LĐTB&XH&Hội BTBNN 37 tỉnh cùng giúp đỡ đóng thay chi phí cho trẻ em nghèo mắc bệnh tim được mổ tim tại TÂM ĐỨC



Đồng hành cùng TÂM ĐỨC giúp đỡ trẻ em nghèo mổ tim Children Action và VinaCapital



Đo vận tốc sóng mạch



Chụp MSCT



Các trẻ em nghèo sau mổ tim bẩm sinh ở TÂM ĐỨC

2.6. CẬN LÂM SÀNG

	2019	2020	2021	2022	2023
Xét nghiệm	761.570	671.022	490.125	837.391	813.761
X-Quang	23.215	20.517	14.990	27.805	22.701
ECG	37.380	33.119	23.360	46.954	42.440
ECG Gắng sức	4.688	3.766	2.418	4.727	3.709
Siêu âm tim	36.270	35.208	24.762	48.329	36.082
Siêu âm bụng	7.769	7.137	5.054	12.870	12.523
Siêu âm phân mềm					74
Siêu âm tim thai	241	219	267	134	266
Siêu âm mạch máu	12.151	10.472	7.573	18.444	17.790
Siêu âm Dobutamine	1.525	884	301	436	476
Siêu âm thực quản	309	201	95	217	247
Siêu âm hạch vùng cổ					7
Holter ECG	2.479	2.185	1.640	2.785	2.951
Holter HA	458	439	408	573	483
Đo nhãn áp	2.257	1.090	289	443	457
KT máy tạo nhịp	831	786	666	1.014	1.105
Tilt test	132	103	86	115	140
Đo INR	1.201	672	445	476	334
Siêu âm tuyến vú	327	535	396	830	513
Siêu âm tuyến giáp	1.262	1.175	1.081	3.479	3.298
Đo vận tốc sóng mạch	2.027	2.510	2.330	7.005	5.212
Chụp CT	3.704	4.145	2.715	5.159	5.090
Tổng cộng	902.524	798.062	579.551	1.019.186	969.659

Hoạt động cận lâm sàng năm 2023 giảm 5% so với năm 2022 (969.659/1.019.186), nhưng cao hơn những năm trước dịch.

2.7. CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Tâm Đức đang sử dụng phần mềm FPT từ 2017, liên tục cập nhật và phát triển các yêu cầu phát sinh về BHYT và Quản lý chất lượng nhưng kết quả chưa được như mong muốn. Tâm Đức đã tuyển 1 kỹ sư phần mềm để chuẩn bị triển khai bệnh án điện tử theo yêu cầu của Bộ Y tế.

Tháng 09.2023, Tâm Đức đã ký hợp đồng thuê phần mềm hàng đợi của FPT, FPT sẽ kết nối phần mềm vào e-hospital vào cuối năm. Hiện nay, Tâm Đức đang triển khai hệ thống lưu trữ dữ liệu hình ảnh (PAC).

2.8. BẢO HIỂM Y TẾ

Năm	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023
Bệnh nhân BHYT	16.314	18.589	17.539	18.340	13.737	7.284	10.171	11.464
Trong đó								
- Ngoại trú	12.799	14.706	13.484	13.911	10.521	4.985	6.573	7.676
- Nội trú	3.515	3.883	4.055	4.429	3.216	2.299	3.598	3.788
Số tiền thanh toán (triệu đồng)	61.032	70.104	72.674	72.247	56.703	46.532	86.715	81.856

Tỉ lệ người bệnh ngoại trú có BHYT đạt 9,6% (7.676/79.816), thấp hơn nhiều so với trước 01.01.2015 (hơn 50%) do từ 01.01.2015 SYT-BHXH quy định bệnh viện Tim Tâm Đức là BV Tư nhân, không được phép nhận BN BHYT trái tuyến.

Tỉ lệ người bệnh nội trú có BHYT là 81% (3.788/4.671)

BHYT rất quan trọng đến sự phát triển ổn định của Tâm Đức. Trong những năm gần đây, Tâm Đức đã phối hợp tốt với BHYT nên thẩm định kết quả tốt, không bị xuất toán, chi trả kịp thời, quyền lợi của người bệnh được đảm bảo mức cao nhất.

2.9. TRANG BỊ MỚI VÀ NÂNG CẤP CƠ SỞ VẬT CHẤT

Đại hội Cổ đông 2023 đã quyết định trang bị Máy chụp Xquang cắt lớp (MSCT) thứ 2 vì máy số 1 trang bị từ 2016 đã hết khấu hao, thường bị hư hỏng, để kịp đáp ứng nhu cầu sử dụng tăng cao, 5.000 trường hợp/năm.

Hội Đồng Quản Trị VI.19 quyết định đấu thầu rộng rãi chào hàng cạnh tranh để trang bị máy chụp Xquang cắt lớp (MSCT) 64 lát cắt thứ 2 có giá ở mức trên dưới 20 tỷ.

Vào tháng 6 năm 2023, Tâm Đức thành lập Ban mua sắm do Tổng Giám đốc làm trưởng ban đã tiến hành các thủ tục đấu thầu theo phương thức chào hàng cạnh tranh, có 5 nhà cung cấp tham gia mở thầu ngày 03/7/2023.

Ngày 17.07.2023, Hội đồng Quản trị đã nghe Ban Mua sắm trình bày báo cáo để có cơ sở quyết định chọn nhà cung cấp máy MSCT

Hội Đồng Quản Trị VI.20 quyết định chọn mua máy MSCT 160 lát cắt Canon do công ty Deltech cung cấp trị giá 12,850 tỷ đồng, Tâm Đức đã làm phòng chỉ cho máy MSCT theo thiết kế của Deltech, trị giá 903.781.120 đồng. Ngày 27.10.2023, máy MSCT đã về đến Tâm Đức. Ngày 19/11/2023, máy MSCT đã đưa vào sử dụng. Đến nay đã thực hiện được 189 ca. Chất lượng hình ảnh rõ nét, liều tia thấp so với máy CT cũ, có chế độ chụp phổi không thuốc liều thấp chỉ bằng 3-5 lần Xquang tim phổi thẳng, thời gian chụp ngắn hơn máy CT cũ (6-8 giây máy mới so với máy cũ 8-10 giây).

Hội đồng Quản trị VI.20 chủ trương mua 1 máy siêu âm xách tay, giao Ban Giám đốc nghiên cứu và quyết định chọn loại phù hợp về mặt kỹ thuật và giá ở mức 1 tỷ đồng. Tâm Đức đã quyết định mua máy siêu âm xách tay hiệu Innosight của Philips trị giá 846.930.000 đồng, đã giao ngày 29.09.2023. Máy đã được sử dụng cho 3 chuyên khám sàng lọc của MT3.

Hội Đồng Quản Trị VI.21 quyết định mua hệ thống đầu đèn thay thế cho hệ thống cũ đã hư của chụp và can thiệp mạch vành số 2 hiệu Allura Xper FD10 của Philips (máy DSA2) trị giá 4,15 tỷ đồng từ nhà cung cấp Tramateco của Philips để đảm bảo an toàn có 2 máy DSA khả dụng trong thời gian chờ đầu tư máy DSA mới. Ngày 09.11.2023, Tâm Đức đã nhận hệ thống đầu đèn mới. Chất lượng sử dụng tốt.

Tâm Đức đã trang bị thêm 20 wifi để người bệnh có thể truy cập dữ liệu trên điện thoại khắp nơi trong bệnh viện; thay mới 53 máy lạnh; sơn lại tất cả phòng bệnh khu Điều trị đặc biệt, thay mới 44 giường

bệnh cho các khoa điều trị; thay toàn bộ cửa WC, nâng cấp WC phòng khám. Người bệnh hài lòng hơn với cơ sở vật chất và trang bị mới.

2.10 QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN THEO TIÊU CHÍ CỦA BỘ Y TẾ

Tâm Đức luôn giám sát việc thực hiện 83 tiêu chí của Bộ Y tế.

Kết quả kiểm tra chất lượng năm 2021 đạt mức 4.14, năm 2022 đạt mức 4.25.

Năm 2023, dự kiến Sở Y tế sẽ kiểm tra vào ngày 27/5/2024.

3. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

3.1 Kế hoạch 2023:

Tổng doanh thu	: 680 tỷ đồng.
Lợi nhuận trước thuế	: 82 tỷ đồng.
Lợi nhuận sau thuế	: 74 tỷ đồng.
Cổ tức	: 30%/mệnh giá.

3.2 Kết quả

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2022	Năm 2023
1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	01	723.827.803.333	741.753.104.481
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	801.141.876	594.747.727
3. Doanh thu thuần bán hàng, cung cấp dịch vụ [10=(01-02)]	10	723.026.661.457	741.158.356.754
4. Giá vốn hàng bán	11	548.865.696.735	576.019.761.443
5. Lợi nhuận gộp bán hàng, cung cấp dịch vụ [20=(10-11)]	20	174.160.964.722	165.138.595.311
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	2.418.820.523	6.333.933.816
7. Chi phí tài chính	22	-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23	-	-
8. Chi phí bán hàng	24	14.683.915.917	15.518.099.116
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	60.063.673.583	63.618.316.040
10. Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh [30 = 20+(21-22-24-25)]	30	101.832.195.745	92.336.113.971
11. Thu nhập khác	31	2.623.751.319	2.178.451.698
12. Chi phí khác	32	504.604.467	709.604.155
13. Lợi nhuận khác [40 = (31 - 32)]	40	2.119.146.852	1.468.847.543
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [50=(30+40)]	50	103.951.342.597	93.804.961.514
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	11.750.381.392	10.728.386.078
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp [60 = (50 - 51)]	60	92.200.961.205	83.076.575.436
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/cổ phiếu)	70	5.619	5.021
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đ/cổ phiếu)	71	5.619	5.021

Tổng Doanh thu **749.670.742.268đ** (Mã số 10+21+31) tăng 2.97% so với năm 2022, tăng 10,2% so với kế hoạch năm 2023.

Tổng chi phí **655.865.780.754đ** (Mã số 11 + 22 + 24 + 25 + 32) tăng 5,1% so với năm 2022 (655/624 tỷ). Giá vốn hàng bán là 576.019.761.443đ (Mã số 11: bao gồm chi phí thuốc, vật tư y tế, lương bác sỹ, điều dưỡng...) là chi phí trực tiếp, là phần quan trọng nhất chiếm tỷ trọng 87,83% trong tổng chi phí.

Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/ Tổng doanh thu năm 2023 là 12,51%.

Doanh thu tăng nhẹ so với cùng kỳ nhưng chi phí tăng cao hơn nên lợi nhuận giảm. Chi phí tăng do một số nguyên nhân chính: Tỷ lệ vật tư/ doanh thu cao hơn năm 2022 1,6% có nghĩa là chi phí vật tư cao hơn khoảng 12 tỷ. Tỷ lệ này phụ thuộc vào cơ cấu bệnh tật, cơ cấu thành phần doanh thu (Doanh thu bán thuốc và thông tin can thiệp chiếm tỷ trọng cao hơn sẽ làm tăng chi phí do giá vốn thuốc vật tư thuộc 2 khu vực này cao, năm 2023 cao hơn 2022). Thêm vào đó đối với bệnh nhân có bảo hiểm y tế bệnh viện chỉ được thu tiền thuốc vật tư bằng giá vốn, không được tính thẳng số, năm 2023 danh mục vật tư đăng ký thanh toán bảo hiểm nhiều hơn, do đó số tiền không thu thêm được từ vật tư để bù đắp chi phí tăng nhiều hơn; Chi phí lương, chi phí bảo hiểm tăng do tăng lương theo niên hạn, điều chỉnh phụ cấp trực cho nhân viên khu vực cấp cứu, hồi sức; Chi phí khấu hao, chi phí phân bổ dài hạn tăng cao, thêm 3,5 tỷ so với năm 2022 do bắt đầu phân bổ chi phí các khoản đầu tư thay thế trang thiết bị đã cũ và sửa chữa từ khoảng nửa cuối năm 2022 và đầu tư mới trong năm 2023.

3.3 Cân đối kế toán Tài sản & Vốn

Đơn vị: đồng

TÀI SẢN	31.12.2022	31.12.2023	(%)
A. Tài sản ngắn hạn	175.768.481.674	207.425.560.163	18%
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	68.447.150.533	50.675.203.558	(26%)
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	46.503.397.540	86.543.112.080	86%
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	20.045.660.543	25.238.489.135	26%
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4.514.476.077	4.985.445.157	10%
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	2.332.996.760	1.409.371.235	(40%)
6. Phải thu ngắn hạn khác	14.463.749.321	20.109.234.358	39%
IV. Hàng tồn kho	38.441.900.431	43.295.909.437	13%
V. Tài sản ngắn hạn khác	2.330.372.627	1.672.845.953	(28%)
B. Tài sản dài hạn	164.528.765.071	176.439.461.187	7%
II. Tài sản cố định	155.447.095.167	161.788.118.655	4%
1. Tài sản cố định hữu hình	150.276.300.809	156.864.517.854	4%
- Nguyên giá	368.122.707.074	390.527.395.717	6%
- Giá trị hao mòn lũy kế	(217.846.406.265)	(233.662.877.863)	7%
3. Tài sản cố định vô hình	5.170.794.358	4.923.600.801	(5%)
- Nguyên giá	8.767.952.472	8.767.952.472	
- Giá trị hao mòn lũy kế	(3.597.158.114)	(3.844.351.671)	7%
VI. Tài sản dài hạn khác	9.059.425.364	14.629.097.992	61%
Tổng Tài sản (A+B)	340.297.246.745	383.865.021.350	13%
NGUỒN VỐN	31.12.2022	31.12.2023	(%)
C. Nợ phải trả	66.226.032.609	81.218.757.092	23%
I. Nợ ngắn hạn	66.226.032.609	81.218.757.092	23%
D. Vốn chủ sở hữu	274.071.214.136	302.646.264.258	10%
I. Vốn chủ sở hữu	274.071.214.136	302.646.264.258	10%

1. Vốn góp của chủ sở hữu	155.520.000.000	155.520.000.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	1.407.488.000	1.407.488.000	
8. Quỹ đầu tư phát triển	16.603.467.737	16.603.467.737	
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	2.244.888.857	1.845.698.259	(18%)
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	98.295.369.542	127.269.610.262	29%
Tổng Nguồn vốn (C+D)	340.297.246.745	383.865.021.350	13%

Tồn quỹ	31.12.2022	31.12.2023
Tiền mặt tại quỹ	369.589.882	643.085.747
Tiền tại Ngân hàng	114.580.958.191	136.575.229.891
Tổng cộng	114.950.548.073	137.218.315.638

Năm 2023 Tâm Đức đã tiếp tục tăng tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn để tăng thêm lợi nhuận tài chính, lượng tiền tồn quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn chỉ giữ ở mức vừa đủ đáp ứng các khoản chi phát sinh trong kỳ nên *Tiền và các khoản tương đương tiền* giảm 26% còn *Đầu tư tài chính ngắn hạn* tăng 86%.

Các chỉ tiêu *Phải thu ngắn hạn của khách hàng*, *Phải thu ngắn hạn khác* tăng do hoạt động tăng.

Phải thu ngắn hạn khác chủ yếu là khoản thu từ BHYT. Năm 2023 BHYT luôn cấp kinh phí kịp thời. Đến T2/2024, BHYT đã cấp gần đủ số kinh phí được chấp thuận thanh toán năm 2023.

Về *Tồn kho*, theo quy định của Bệnh viện, phù hợp với 1 Bệnh viện chuyên khoa kỹ thuật cao, sử dụng hầu hết y dụng cụ ngoại nhập như Tâm Đức, tồn kho phải đảm bảo 2 tháng sử dụng. Giá trị tồn kho của Tâm Đức tại ngày 31/12/2023 nhiều hơn do kho nội trú tăng dự trữ một số mặt hàng thiết yếu, kho ngoại trú dự trữ thêm một số mặt hàng bán nhiều đã được trúng thầu, tuy nhiên vẫn luôn đảm bảo ở mức an toàn 2 tháng sử dụng. Do vậy *Hàng tồn kho* và *Nợ ngắn hạn* tăng.

Tài sản cố định tăng 4% và *Tài sản dài hạn khác* tăng 61% là do năm 2023 Tâm Đức đã tăng cường sửa chữa cơ sở vật chất và đầu tư máy móc thiết bị đáp ứng nhu cầu hoạt động.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng là do tích lũy thêm lợi nhuận năm 2023 dự kiến còn lại sau chia cổ tức theo kế hoạch.

Về *Đầu tư tài sản*, giá trị khấu hao từ ngày bắt đầu hoạt động 08.03.2006 đến 31.12.2023 là 251 tỷ. (Theo quy định những tài sản đã thanh lý và những tài sản không đủ tiêu chuẩn TSCĐ theo quy định năm 2013 sẽ ghi giảm khấu hao tương ứng, do đó số liệu khấu hao đến 31.12.2023 trên bảng Cân đối kế toán là 237 tỷ). Hiện Tâm Đức vẫn còn có các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với tổng giá trị là 98,7 tỷ do sử dụng và bảo trì tốt.

Trong suốt quá trình hoạt động từ 2006 đến nay, Tâm Đức đã luôn quan tâm việc đầu tư trang bị mới để kịp thời phục vụ bệnh nhân và đáp ứng nhu cầu phát triển của bệnh viện. Tâm Đức đã đầu tư mua sắm tài sản cố định qua các năm là 221 tỷ.

Năm 2023, Tâm Đức đã trang bị thêm 1 máy MSCT 160 lát cắt trị giá 12,8 tỷ để kịp đáp ứng nhu cầu sử dụng theo quyết định của ĐHCĐ 2023, thay hệ thống đầu đèn trị giá 4,1 tỷ cho hệ thống chụp và can thiệp mạch vành số 2, 1 máy XQ gắn sàn 1 Tấm DR kỹ thuật số thế hệ mới, 1 máy XQ di động kỹ thuật số, 1 máy siêu âm di động 3 đầu dò, trang bị mới 44 giường điện 3 motor cho các khoa điều trị, nâng cấp hệ thống lạnh cục bộ, và một số máy móc thiết bị y khoa khác. Tâm Đức đã cải tạo sửa chữa nâng cấp nhà vệ sinh khu công cộng tầng hầm và phòng khám, sửa chữa cải tạo mặt phẳng khu nhà xe tầng hầm, cải tạo khu cấp cứu.

3.4 Sức khỏe tài chính

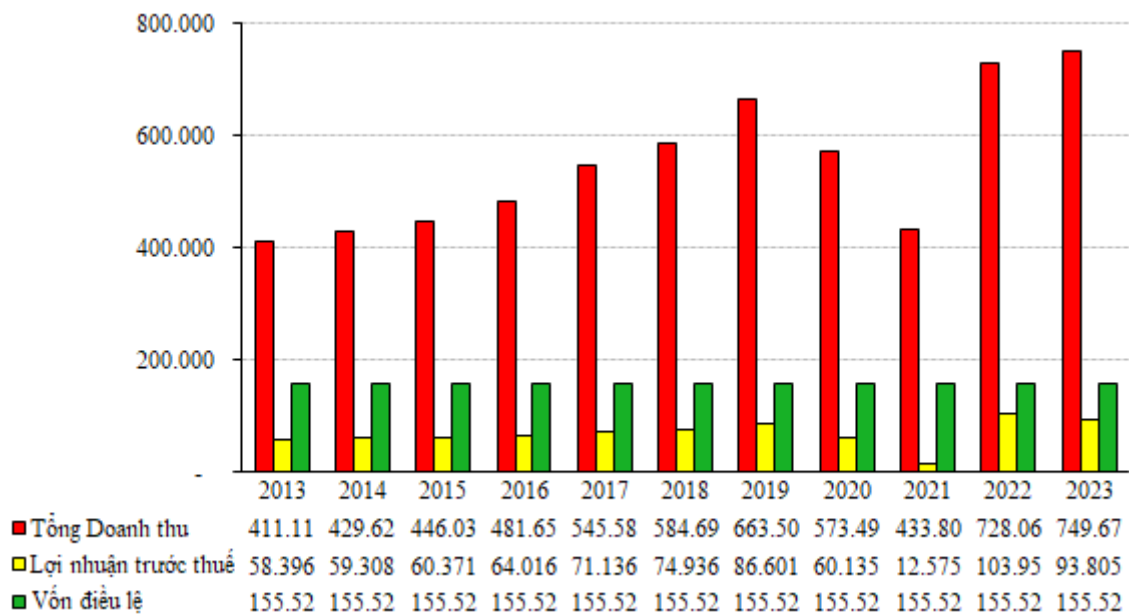
STT	CHỈ TIÊU	2018	2019	2020	2021	2022	2023
1	Cơ cấu tài sản (%)						
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	37,8%	35,5%	41,1%	35,5%	51,7%	54,0%
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	62,2%	64,5%	58,9%	64,5%	48,3%	46,0%

2	Cơ cấu nguồn vốn (%)						
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	27,9%	25,2%	19,1%	18,6%	19,5%	21,2%
	- Nợ phải trả/Nguồn vốn chủ sở hữu	38,7%	33,7%	23,5%	22,9%	24,2%	26,8%
3	Khả năng thanh toán (lần)						
	- Khả năng thanh toán nhanh	0,8	0,9	1,5	1,2	2,1	2,0
	- Khả năng thanh toán hiện hành	1,4	1,4	2,2	1,9	2,7	2,6
4	Tỷ suất lợi nhuận (%)						
	- Lợi nhuận trước thuế/Tổng doanh thu	12,8%	13,1%	10,5%	2,9%	14,3%	12,5%
	- Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	42,8%	49,5%	34,3%	7,0%	59,3%	53,4%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu thể hiện sức khỏe tài chính của Tâm Đức tốt và ổn định qua các năm.

Biểu đồ tăng trưởng một số chỉ tiêu chủ yếu

Đơn vị: Triệu đồng



3.5 Nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước

Đơn vị : đồng

	2018	2019	2020	2021	2022	2023
Thuế VAT	914.576.616	1.336.362.317	1.015.999.675	1.286.691.749	1.075.467.714	1.607.720.881
Thuế TNDN	7.800.440.225	9.730.954.948	6.431.545.126	4.064.228.585	8.938.338.428	10.212.403.617
Thuế TNCN	9.704.952.840	10.641.332.462	9.241.322.565	7.159.581.770	13.874.181.501	16.806.573.485
Tổng cộng đã nộp vào NSNN	18.419.969.681	21.708.649.727	16.688.867.366	12.510.502.104	23.887.987.643	28.626.697.983

Tâm Đức thực hiện tốt nghĩa vụ thuế. Bộ Tài chính đã kiểm tra việc kê khai miễn giảm thuế TNDN năm 2010. Cục thuế Thành phố đã kiểm tra thuế GTGT, thuế TNDN từ 2002 đến 2006; Thanh tra thuế GTGT, thuế TNDN 2007, 2008, 2009; Kiểm tra thuế GTGT-TNDN 2011-2012. Năm 2010 Cục thuế Thành phố kiểm tra lại vào cuối năm 2013 kết quả tốt. Tháng 09.2018, Cục thuế Thành phố đã kiểm tra thuế GTGT, TNDN năm 2013 và 2014 kết quả tốt. Cục thuế đã báo kế hoạch kiểm tra nhiều lần nhưng vẫn chưa thực hiện kiểm tra thuế các năm từ năm 2015 đến 2023. Tâm Đức đã được nhận bằng khen của Bộ tài chính, Tổng cục thuế và Cục thuế Tp.HCM về việc chấp hành tốt chính sách và pháp luật thuế các năm 2013, 2014, 2015, 2016.

3.6 Cổ phiếu, cổ tức

Vốn điều lệ 155,520 tỷ đồng, số cổ phiếu đang lưu hành là 15.552.000 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 đồng.

Đại hội Cổ đông ngày 29.04.2016 đã quyết định chủ trương Công Ty Cổ phần Bệnh Viện Tim Tâm Đức lên sàn giao dịch Upcom theo qui định.

Ngày 09.01.2017, Trung tâm lưu ký chứng khoán đã ban hành Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 11/2017/GCNCP-VSD cho Tâm Đức và quản lý Tâm Đức.

Sở Giao Dịch chứng khoán Hà nội đã chấp thuận cho Tâm Đức chính thức đăng ký giao dịch trên sàn Upcom qua quyết định số 65/QĐ-SGDHN do Tổng giám đốc SGDCK Hà nội cấp ngày 23.01.2017. Ngày 06.02.2017 là ngày giao dịch đầu tiên, giá tham chiếu là 36.000đ/CP.

Công ty tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2010 là 41.947.767.302 đồng. Mức cổ tức chi trả là 25%/mệnh giá.

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2011 là 47.391.718.003 đồng. Mức cổ tức chi trả là 26%/mệnh giá.

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2012 là 49.122.543.317 đồng. Mức cổ tức chi trả là 26%/mệnh giá.

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2013 là 51.662.557.368 đồng. Mức cổ tức chi trả là 26%/mệnh giá.

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2014 là 52.530.012.803 đồng. Mức cổ tức chi trả là 30%/mệnh giá.

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2015 là 53.483.207.623 đồng. Mức cổ tức chi trả là 30%/mệnh giá.

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2016 là 56.804.368.801 đồng. Mức cổ tức chi trả là 30%/mệnh giá.

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2017 là 63.032.416.458 đồng. Mức cổ tức chi trả là 33%/mệnh giá.

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2018 là 66.611.442.401 đồng. Mức cổ tức chi trả là 33%/mệnh giá.

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2019 là 76.980.790.410 đồng. Mức cổ tức chi trả là 33%/mệnh giá.

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2020 là 53.288.538.025 đồng. Mức cổ tức chi trả là 28%/mệnh giá.

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2021 là 10.825.581.022 đồng. Mức cổ tức chi trả là 10%/mệnh giá, từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 và trích thêm từ lợi nhuận sau thuế của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2022 là 92.200.961.205 đồng. Mức cổ tức chi trả là 30%/mệnh giá.

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2023 là 83.076.575.436 đồng. Mức cổ tức 2023 dự kiến chi trả theo nghị quyết ĐHCĐ 28.04.2023 là 30%/mệnh giá. Tâm Đức đã tạm ứng cổ tức đợt 1 là 10%/mệnh giá vào tháng 08.2023, tạm ứng cổ tức đợt 2 là 10%/mệnh giá vào tháng 01.2024. Mức cổ tức còn lại là 10%/mệnh giá sẽ thực hiện sau khi thông qua Đại hội cổ đông ngày 27.04.2024 hoặc là 13%/mệnh giá theo ý kiến của Hội đồng Quản trị VI tại cuộc họp ngày 04/3/2024 nếu Đại hội cổ đông thông qua.

4. CỔ PHIẾU TÂM ĐỨC (TTD) GIAO DỊCH TRÊN HỆ THỐNG UPCOM:

Đại hội Cổ đông ngày 29.04.2016 đã quyết định chủ trương Công Ty Cổ phần Bệnh Viện Tim Tâm Đức lên sàn giao dịch Upcom theo qui định của nhà nước.

Nghị quyết số V.12/NQ-HĐQT ngày 23.06.2016 của Hội Đồng Quản Trị quyết định ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Chứng Khoán Rồng Việt tư vấn những thủ tục cần thiết để Tâm Đức lên sàn giao dịch Upcom theo qui định.

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Rồng Việt đã được chọn là Công ty tư vấn cho Tâm Đức thực hiện các thủ tục cần thiết để lên sàn Upcom.

Ngày 09.01.2017, Trung tâm lưu ký chứng khoán đã ban hành Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 11/2017/GCNCP-VSD cho Tâm Đức.

Sở Giao Dịch chứng khoán Hà nội đã chấp thuận cho Tâm Đức chính thức đăng ký giao dịch trên sàn Upcom qua quyết định số 65/QĐ-SGDHN do Tổng giám đốc SGDCK Hà nội cấp ngày 23/01/2017. Ngày giao dịch đầu tiên là 06.02.2017. Giá tham chiếu là 36.000 đồng/cổ phiếu. Tâm Đức đã gửi cho các cổ đông thư hướng dẫn thủ tục giao dịch trên sàn upcom ngày 23.01.2017. Thời điểm 28.02.2024, giá cổ phiếu của Tâm Đức trên sàn upcom 81.600 đồng một cổ phiếu nhưng hầu như rất ít giao dịch,

trong đó quan trọng là sự chuyển dịch cho người trong gia đình và giữa các cổ đông hiện hữu. Năm 2023 là 11,50%.

5. ĐỊNH HƯỚNG KẾ HOẠCH TÂM ĐỨC 2024:

I. Định hướng:

1. Phát triển lực lượng kế thừa về chất lượng và số lượng ở những khu vực xung yếu như cấp cứu hồi sức, thông tim can thiệp bên cạnh, mổ tim, điện sinh lý tim.
2. Đảm bảo chất lượng và sự hài lòng người bệnh trong khám bệnh và điều trị nội trú.
3. Phát triển quảng cáo sâu rộng, thiết lập truyền thông bệnh viện chuyên nghiệp.
4. Phát triển chăm sóc khách hàng chuyên nghiệp hơn.
5. Phát triển cao hơn sự tiếp cận với những cộng đồng đặc biệt như bảo hiểm y tế tư nhân, cộng đồng cư dân Phú Mỹ Hưng và triển khai tầm soát sức khoẻ tim mạch cho lãnh đạo của các doanh nghiệp lớn.

II. Chỉ tiêu:

1. **Về nhân sự:** Tâm Đức đã hoạt động ổn định và phát triển 18 năm. Đội ngũ lãnh đạo và chuyên môn của Tâm Đức đã trưởng thành, nhưng cần tiếp tục thu dung và đào tạo sau đại học ở những vị trí kỹ thuật xung yếu như hồi sức cấp cứu, thông tim và chuẩn bị lực lượng lãnh đạo kế thừa.
2. **Về chuyên môn:** Năm 2024, Khám bệnh, cấp cứu và điều trị nội trú tăng 5% so với năm 2023. Phẫu thuật tim phải đạt trên 400, thông tim can thiệp và điện sinh lý tim phải đạt trên 2.000.
3. **Về tài chính:**

Tổng doanh thu	700 tỷ đồng
Lợi nhuận trước thuế	90 tỷ đồng
Lợi nhuận sau thuế	82 tỷ đồng
Cổ tức	33%/mệnh giá

Đại Hội Cổ Đông 2024:

Đại Hội Cổ Đông 2024 sẽ được tổ chức vào ngày 27.04.2024 lúc 8 giờ tại Hội trường Hữu nghị Bệnh Viện Tim Tâm Đức

Ngày đăng ký cuối cùng: 27.03.2024

Ngày gửi thông báo triệu tập Đại Hội Cổ Đông và tài liệu họp: 03.04.2024

Nội dung trình Đại Hội Cổ Đông 2024 thông qua:

1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động 2023.
2. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát 2023.
3. Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023. Mức chi trả cổ tức 2023 trình Đại hội Cổ đông thông qua là 33% thay vì 30% như Đại hội Cổ đông 2023 ngày 28.04.2023 đã quyết định.
4. Thông qua đề xuất ủy quyền Hội Đồng Quản Trị chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính niên độ 2024.
5. Thông qua Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2024.
6. Thông qua Kế hoạch trích quỹ 2024.
7. Thông qua Kế hoạch chi trả cổ tức 2024.

8. Bầu Hội đồng Quản Trị Nhiệm kỳ VII 2024-2028.
9. Thông qua kế hoạch đầu tư Hệ thống chụp và can thiệp mạch vành số 4 có giá ở mức trên dưới 20 tỷ có cấu hình phù hợp với yêu cầu chuyên môn vào quý 4 năm 2024, phương thức do Hội Đồng Quản Trị quyết định.
10. Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền ĐHQĐĐ.

6. KẾT LUẬN:

Năm 2023, Tâm Đức bắt đầu hồi phục tất cả các hoạt động khám bệnh, đặc biệt là khu Khám Điều trị Đặc biệt, điều trị nội trú, cấp cứu hồi sức, mổ tim, thông tim và điện sinh lý tim. Vì vậy, kết quả cả năm 2023, doanh thu và lợi nhuận đã ổn định như trước giai đoạn dịch bệnh.

Sau những biến động quan trọng về nhân sự và ảnh hưởng nặng nề của Covid 19, Tâm Đức vẫn hồi phục và phát triển là nhờ trình độ kỹ thuật, sự đồng lòng của tập thể nhân viên Tâm Đức và sự tin tưởng của cộng đồng. Như thế, Tâm Đức sẽ còn phát triển bền vững hơn nữa.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2024

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



TS. BS. NGUYỄN NGỌC CHIỀU



*Nhà hàng Mimosa
Khoa Dinh dưỡng TÂM ĐỨC*

PHỤ LỤC I

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH NIÊN ĐỘ 2023
ĐÃ KIỂM TOÁN**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC



MỤC LỤC

-----oOo-----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01 - 03
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 09
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	10
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11 - 12
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	13 - 36

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Hội đồng Quản trị trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

1. Thông tin chung về công ty

Thành lập

Công ty Cổ phần Bệnh Viện Tim Tâm Đức (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 4103001109 do Sở kế hoạch và đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 16/7/2002. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 (bảy) ngày 06/10/2007 tăng vốn điều lệ của Công ty là 129.600.000.000 VND, thay đổi lần thứ 8 (tám) ngày 24/6/2010. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 (chín) ngày 21/02/2011 tăng vốn điều lệ của Công ty là 155.520.000.000 VND, thay đổi lần thứ 10 (mười) ngày 13/05/2011, thay đổi lần thứ 12 (mười hai) ngày 18/6/2012, thay đổi lần thứ 14 (mười bốn) ngày 25/06/2015. Ngày 07/01/2013, Bộ trưởng Bộ Y tế đã cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 23/BYT-GPHĐ cho BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần đại chúng lớn.

Hoạt động chính của Công ty:

Dịch vụ khám, chữa bệnh: bệnh viện; Bán thuốc.

Tên tiếng Anh: TAM DUC CARDIOLOGY HOSPITAL JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: TAM DUC CO.

Mã chứng khoán niêm yết: TTD (Đăng ký giao dịch UpCom).

Trụ sở chính: Số 04 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ts.Bs.	Nguyễn Ngọc Chiêu	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ts.Bs.	Chu Trọng Hiệp	Thành viên
Ths.	Phạm Anh Dũng	Thành viên
BS.CKI	Phạm Bích Xuân	Thành viên
Ths.Bs.	Phan Kim Phương	Thành viên

Ban Kiểm soát

CN.	Vương Thị Quỳnh Anh	Trưởng ban
Bà	Bùi Thúy Kiều	Thành viên
Bs.	Lê Thị Huyền Trang	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 28/04/2023)
Bs.	Nguyễn Nhị Phương	Thành viên (miễn nhiệm từ ngày 10/01/2023)

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Bs.CKI	Đỗ Văn Bửu Đan	Tổng Giám đốc
Ts.Bs.	Tôn Thất Minh	Giám đốc Bệnh viện
Ts.Bs.	Chu Trọng Hiệp	Giám đốc Ngoại tim mạch
Bs.CKI	Phạm Bích Xuân	Giám đốc Đối ngoại (miễn nhiệm từ ngày 30/01/2024)
Ts.Bs.	Đình Đức Huy	Giám đốc Nội tim mạch
PGs.Ts.Bs.	Nguyễn Thị Bích Đào	Phó Giám đốc Nội tiết
Ths.Bs.	Nguyễn Huỳnh Khương	Phó Giám đốc Thông tin can thiệp và Bệnh lý mạch máu
Bs.CKII	Lý Huy Khanh	Phó Giám đốc Kế hoạch Tổng hợp
Ths.Bs.	Ngô Thị Kim Ánh	Phó Giám đốc Khám bệnh & Điều trị Ngoại trú
Bs.CKII	Thái Minh Thiện	Phó Giám đốc Cấp cứu & Hồi sức Nội Tim Mạch
CN.	Nguyễn Ngọc An Khôi	Phó Giám đốc Quản lý chất lượng
CN.	Trương Thị Mai Lan	Phó Giám đốc Hành chính
CN.	Trần Thị Thanh Nhân	Phó Giám đốc Quản trị - Tổ chức nhân sự
Ths.	Phan Thị Thanh Nga	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính như sau:

Ts.Bs. Nguyễn Ngọc Chiêu Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ts. Bs. Nguyễn Ngọc Chiêu đã ủy quyền cho Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo Giấy ủy quyền ngày 08 tháng 6 năm 2021.

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC ("MOORE AISC") được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Tp. HCM, ngày 15 tháng 03 năm 2024

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Ts.Bs. Nguyễn Ngọc Chiêu

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Số: B0623250-R/MOORE AISC-DN2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**KÍNH GỬI QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 15 tháng 03 năm 2024, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. HCM, ngày 15 tháng 03 năm 2024

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC



Dương Thị Phương Anh

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0321-2023-005-1



Nguyễn Như Yến

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 5444-2020-005-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		207.425.560.163	175.768.481.674
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	50.675.203.558	68.447.150.533
1. Tiền	111		15.675.203.558	37.693.928.687
2. Các khoản tương đương tiền	112		35.000.000.000	30.753.221.846
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		86.543.112.080	46.503.397.540
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	86.543.112.080	46.503.397.540
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		25.238.489.135	20.045.660.543
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	4.985.445.157	4.514.476.077
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.409.371.235	2.332.996.760
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	20.109.234.358	14.463.749.321
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.3	(1.265.561.615)	(1.265.561.615)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	43.295.909.437	38.441.900.431
1. Hàng tồn kho	141		43.295.909.437	38.441.900.431
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.672.845.953	2.330.372.627
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	1.672.845.953	2.330.372.627
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		176.439.461.187	164.528.765.071
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		22.244.540	22.244.540
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	22.244.540	22.244.540
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		161.788.118.655	155.447.095.167
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	156.864.517.854	150.276.300.809
- Nguyên giá	222		390.527.395.717	368.122.707.074
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(233.662.877.863)	(217.846.406.265)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	4.923.600.801	5.170.794.358
- Nguyên giá	228		8.767.952.472	8.767.952.472
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.844.351.671)	(3.597.158.114)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		14.629.097.992	9.059.425.364
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	14.629.097.992	9.059.425.364
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		383.865.021.350	340.297.246.745

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		81.218.757.092	66.226.032.609
I. Nợ ngắn hạn	310		81.218.757.092	66.226.032.609
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.10	53.009.866.687	40.894.349.791
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	2.938.221.977	3.019.267.072
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	3.973.283.071	3.524.984.609
4. Phải trả người lao động	314		10.472.776.303	9.839.856.391
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	5.287.419.218	4.168.441.845
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	5.537.189.836	3.414.661.126
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	1.364.471.775
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		302.646.264.258	274.071.214.136
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	302.646.264.258	274.071.214.136
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		155.520.000.000	155.520.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		155.520.000.000	155.520.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.407.488.000	1.407.488.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		16.603.467.737	16.603.467.737
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.845.698.259	2.244.888.857
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		127.269.610.262	98.295.369.542
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		65.554.317.542	27.284.168.941
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		61.715.292.720	71.011.200.601
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		383.865.021.350	340.297.246.745

Tp. HCM, ngày 15 tháng 03 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU - KẾ TOÁN TRƯỞNG



Ths. Phan Thị Thanh Nga

TỔNG GIÁM ĐỐC



Bs. CKI. Đỗ Văn Bửu Đan

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	741.753.104.481	723.827.803.333
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	594.747.727	801.141.876
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	741.158.356.754	723.026.661.457
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	576.019.761.443	548.865.696.735
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		165.138.595.311	174.160.964.722
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	6.333.933.816	2.418.820.523
7. Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6a	15.518.099.116	14.683.915.917
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6b	63.618.316.040	60.063.673.583
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		92.336.113.971	101.832.195.745
11. Thu nhập khác	31	VI.7	2.178.451.698	2.623.751.319
12. Chi phí khác	32	VI.8	709.604.155	504.604.467
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.468.847.543	2.119.146.852
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		93.804.961.514	103.951.342.597
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	10.728.386.078	11.750.381.392
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		83.076.575.436	92.200.961.205
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	5.021	5.619
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	5.021	5.619

Tp. HCM, ngày 15 tháng 03 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU - KẾ TOÁN TRƯỞNG



Ths. Phan Thị Thanh Nga

TỔNG GIÁM ĐỐC



Bs. CKI. Đỗ Văn Bửu Đan

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		93.804.961.514	103.951.342.597
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.7-8	19.012.615.908	18.010.990.311
- Các khoản dự phòng	03		-	129.525.751
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	V.5	(100.815.953)	(56.386.203)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.131.100.719)	(2.515.323.209)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		106.585.660.750	119.520.149.247
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		(6.165.381.447)	(4.698.275.167)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		(4.854.009.006)	(4.766.048.259)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		19.196.424.547	15.610.817.758
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		(4.912.145.954)	(5.051.861.479)
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.12	(10.212.403.617)	(8.938.338.428)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		36.555.612	314.887.089
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(6.754.419.089)	(1.914.107.670)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		92.920.281.796	110.077.223.091
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(27.611.673.247)	(10.262.500.020)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		3.500.000	152.888.889
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(40.039.714.540)	(30.681.639.710)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.233.117.863	2.362.434.320
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(61.414.769.924)	(38.428.816.521)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(49.378.274.800)	(32.502.955.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(49.378.274.800)	(32.502.955.200)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)	50	(17.872.762.928)	39.145.451.370
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	68.447.150.533	29.245.312.960
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	100.815.953	56.386.203
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	<u>50.675.203.558</u>	<u>68.447.150.533</u>

Tp. HCM, ngày 15 tháng 03 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU - KẾ TOÁN TRƯỞNG



Ths. Phan Thị Thanh Nga

TỔNG GIÁM ĐỐC



Bs. CKI Đỗ Văn Bửu Đan

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Thành lập**

Công ty Cổ phần Bệnh Viện Tim Tâm Đức (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 4103001109 do Sở kế hoạch và đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 16/7/2002. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 (bảy) ngày 06/10/2007 tăng vốn điều lệ của Công ty là 129.600.000.000 VND, thay đổi lần thứ 8 (tám) ngày 24/6/2010. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 (chín) ngày 21/02/2011 tăng vốn điều lệ của Công ty là 155.520.000.000 VND, thay đổi lần thứ 10 (mười) ngày 13/05/2011, thay đổi lần thứ 12 (mười hai) ngày 18/6/2012, thay đổi lần thứ 14 (mười bốn) ngày 25/06/2015. Ngày 07/01/2013, Bộ trưởng Bộ Y tế đã cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 23/BYT-GPHĐ cho BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC.

Tên tiếng Anh: TAM DUC CARDIOLOGY HOSPITAL JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: TAM DUC CO.

Mã chứng khoán niêm yết: TTD (Đăng ký giao dịch UpCom).

Trụ sở chính: Số 04 Khu phố 1, Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đại chúng lớn.

3. Hoạt động chính của Công ty

Dịch vụ khám, chữa bệnh: bệnh viện; Bán thuốc.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: Không có.**6. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2023:** 549 nhân viên. (Ngày 31 tháng 12 năm 2022: 546 nhân viên).**7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Niên độ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều thông tư 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều thông tư 200/2014/TT-BTC cũng như thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty thực hiện quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế.

Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Nguyên tắc xác định tỷ giá quy đổi các giao dịch phát sinh

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.

Nguyên tắc xác định tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: áp dụng theo tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Tỷ giá mua quy đổi tại ngày 31/12/2023: 24.080 VND/USD; 26.370,15 VND/EUR.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Nguyên tắc kế toán đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, các khoản đầu tư này được đánh giá theo giá trị có thể thu hồi. Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và ghi giảm giá trị đầu tư.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- **Phải thu của khách hàng** phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

- **Phải thu khác** phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán: Doanh nghiệp ước tính cho phần giá trị bị tổn thất có bản chất là tổn thất khó có khả năng thu hồi và trích lập dự phòng theo quy định hiện hành.

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- **Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa:** bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Nhập trước xuất trước (FIFO).

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. (Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.)

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)**7.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

Tài sản cố định hữu hình mua được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế

Trường hợp mua TSCĐ được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì phải xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý. Nguyên giá TSCĐ được mua là tổng các chi phí liên quan trực tiếp tới việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng trừ đi giá trị thiết bị, phụ tùng thay thế.

7.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Mua tài sản cố định vô hình riêng biệt

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua riêng biệt bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Khi quyền sử dụng đất được mua cùng với nhà cửa, vật kiến trúc trên đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Khi quyền sử dụng đất được mua cùng với nhà cửa, vật kiến trúc trên đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	30 năm
Máy móc, thiết bị	12 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 năm
Quyền sử dụng đất (bắt đầu khấu hao từ năm 2011) (*)	42 năm
Chương trình phần mềm	2-10 năm

(*) Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao phù hợp với thời hạn trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: Chi phí mua bảo hiểm (bảo hiểm cháy, nổ, bảo hiểm xe, bảo hiểm tài sản...); công cụ dụng cụ; chi phí sửa chữa TSCĐ; tiền thuê đất trả trước,...

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ trên 12 tháng đến 36 tháng. Riêng tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

9. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm chi phí điện nước, xét nghiệm... đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả. Các chi phí này được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả theo các hợp đồng, thỏa thuận, biên bản đối chiếu cụ thể.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ căn cứ theo theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác

Cổ tức là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn năm (5) điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ. Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ; các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty đã được thanh tra kiểm tra thuế đến năm 2014.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Chính sách thuế theo những điều kiện quy định cho công ty năm hiện hành như sau:

Thu nhập chịu thuế từ Dịch vụ khám chữa bệnh được hưởng thuế suất ưu đãi là 10% trong suốt thời gian hoạt động, các khoản thu nhập ngoài dịch vụ khám chữa bệnh vẫn áp dụng mức thuế suất thông thường là 20%.

15. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi, Quỹ từ thiện, Quỹ nhân đạo, Quỹ hoạt động Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

16. Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

16. Công cụ tài chính (tiếp theo)**Giá trị sau ghi nhận lần đầu**

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

17. Các bên liên quan

Thông tin về các bên liên quan tại công ty như sau:

(i) Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này. Thành viên mật thiết trong gia đình của một cá nhân là những người có thể chi phối hoặc bị chi phối bởi người đó khi giao dịch với doanh nghiệp như quan hệ: Bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột;

(ii) Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

(iii) Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trường hợp (i) hoặc trường hợp (ii) nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp. Trường hợp này bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của doanh nghiệp báo cáo và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với doanh nghiệp báo cáo.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2023	01/01/2023
Tiền	15.675.203.558	37.693.928.687
Tiền mặt	643.085.747	369.589.882
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.032.117.811	37.324.338.805
+ Tiền Việt Nam Đồng	12.151.656.527	34.545.317.149
Ngân hàng Argibank	1.725.353.251	1.216.335.063
Ngân hàng Vietcombank	10.426.303.276	33.328.982.086
+ Tiền ngoại tệ	2.880.461.284	2.779.021.656
Ngân hàng Vietcombank - USD	2.284.792.031	2.221.529.172
Ngân hàng Vietcombank - EUR	595.669.253	557.492.484
Các khoản tương đương tiền	35.000.000.000	30.753.221.846
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	35.000.000.000	30.753.221.846
Cộng	50.675.203.558	68.447.150.533

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Ngắn hạn	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	86.543.112.080	86.543.112.080	46.503.397.540	46.503.397.540
Cộng	86.543.112.080	86.543.112.080	46.503.397.540	46.503.397.540

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản tương đương tiền là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 06 - 12 tháng tại các ngân hàng TMCP với lãi suất dao động từ 3,9% - 7,5%/năm.

3. Phải thu của khách hàng ngắn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Khách hàng trong nước	4.985.445.157	(1.265.561.615)	4.514.476.077	(1.265.561.615)
Hội bảo trợ Bệnh nhân nghèo TP.HCM	448.829.086	-	1.189.291.840	-
Công ty TNHH DV Nhịp Tim Việt Nam	361.728.200	-	107.351.666	-
Khách hàng trong nước khác	4.174.887.871	(1.265.561.615)	3.217.832.571	(1.265.561.615)
Cộng	4.985.445.157	(1.265.561.615)	4.514.476.077	(1.265.561.615)

4. Trả trước cho người bán

Ngắn hạn	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nhà cung cấp trong nước	1.409.371.235	-	2.332.996.760	-
Công ty TNHH MTV Máy Sài Gòn Gia Định	169.860.240	-	-	-
Cty TNHH Công nghệ Y học Đức Chi	480.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Ô tô Cứu Thương Huỳnh Gia	-	-	644.000.000	-
Công ty TNHH Đạt Technical	216.430.110	-	-	-
Công ty TNHH TM DV Thiết bị Y tế Hoàng Phát	203.402.745	-	77.957.460	-
Công ty TNHH C.P.V	-	-	1.001.306.800	-
Nhà cung cấp trong nước khác	339.678.140	-	609.732.500	-
Cộng	1.409.371.235	-	2.332.996.760	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Phải thu khác	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	20.109.234.358	-	14.463.749.321	-
Phải thu người lao động	268.396.000	-	255.625.020	-
Ký cược, ký quỹ	243.965.000	-	243.965.000	-
Các khoản chi hộ (BHYT) (*)	17.244.392.557	-	12.277.236.463	-
Lãi tiền gửi dự thu	2.034.613.438	-	1.100.980.245	-
Phải thu khác	317.867.363	-	585.942.593	-
b. Dài hạn	22.244.540	-	22.244.540	-
Ký cược, ký quỹ	22.244.540	-	22.244.540	-
Cộng	20.131.478.898	-	14.485.993.861	-

(*) Đây là khoản chi phí Khám chữa bệnh cho bệnh nhân sử dụng thẻ Bảo hiểm Y tế. Khoản phải thu này sẽ được quyết toán với cơ quan Bảo hiểm Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Hàng tồn kho	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	29.440.462.047	-	26.026.188.727	-
Công cụ, dụng cụ	1.296.369.334	-	1.308.907.542	-
Hàng hoá	12.559.078.056	-	11.106.804.162	-
Cộng	43.295.909.437	-	38.441.900.431	-

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: không có.
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: không có.

7. Tài sản cố định hữu hình (Xem trang 34).

8. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	6.970.212.772	1.797.739.700	8.767.952.472
Số dư cuối năm	6.970.212.772	1.797.739.700	8.767.952.472
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.991.489.328	1.605.668.786	3.597.158.114
<i>Khấu hao trong năm</i>	165.957.444	81.236.113	247.193.557
Số dư cuối năm	2.157.446.772	1.686.904.899	3.844.351.671
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	4.978.723.444	192.070.914	5.170.794.358
Số dư cuối năm	4.812.766.000	110.834.801	4.923.600.801

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

- * Giá trị còn lại của Tài sản cố định vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: không có.
- * Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.164.639.700 VND.
- * Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định vô hình có giá trị lớn trong tương lai: không có.
- * Các thay đổi khác về Tài sản cố định vô hình: không có.
- * Thuyết minh số liệu và các giải trình khác: không có.

	31/12/2023	01/01/2023
9. Chi phí trả trước		
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	1.672.845.953	2.330.372.627
Các khoản chi phí bảo trì phần mềm, bảo hiểm, ...	1.672.845.953	2.330.372.627
b. Chi phí trả trước dài hạn	14.629.097.992	9.059.425.364
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.913.252.676	3.554.470.170
Các chi phí bảo trì máy móc, sửa chữa cơ sở vật chất bệnh viện, ...	10.715.845.316	5.504.955.194
Cộng	16.301.943.945	11.389.797.991

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
10. Phải trả người bán ngắn hạn				
Nhà cung cấp trong nước	53.009.866.687	53.009.866.687	40.894.349.791	40.894.349.791
Công ty TNHH Thiết bị Y tế Khải Vinh	2.749.410.000	2.749.410.000	4.941.009.993	4.941.009.993
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ H.T.L	2.523.495.000	2.523.495.000	2.634.655.000	2.634.655.000
Công ty TNHH MTV Dược Phẩm Triều Giang	5.737.979.430	5.737.979.430	5.133.960.661	5.133.960.661
Công ty CP Dược Liệu TWII (Phytopharma)	9.233.194.574	9.233.194.574	4.814.944.336	4.814.944.336
Nhà cung cấp trong nước khác	32.765.787.683	32.765.787.683	23.369.779.801	23.369.779.801
Cộng	53.009.866.687	53.009.866.687	40.894.349.791	40.894.349.791

	31/12/2023	01/01/2023
11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Khách hàng trong nước	2.938.221.977	3.019.267.072
Thu tạm ứng bệnh nhân	1.025.607.296	749.301.701
Khách hàng trong nước khác	1.912.614.681	2.269.965.371
Cộng	2.938.221.977	3.019.267.072

Phải nộp	Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm	
	01/01/2023	31/12/2023	01/01/2023	31/12/2023
12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng	267.820.000	1.367.349.337	1.607.720.881	27.448.456
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.142.894.239	10.728.386.078	10.212.403.617	2.658.876.700
Thuế thu nhập cá nhân	1.114.270.370	16.979.261.030	16.806.573.485	1.286.957.915
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	3.524.984.609	29.077.996.445	28.629.697.983	3.973.283.071

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (tiếp theo)**Trình bày cách xác định các khoản thuế, phí, lệ phí phải nộp.****Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

	Mức thuế suất
- Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho khám, chữa bệnh ngoại trú, viện phí nội trú	Không chịu thuế
- Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho thuốc	5%
- Thuế suất thuế giá trị gia tăng ngoài dịch vụ khám chữa bệnh và thuốc	10%

Trong năm Công ty được giảm thuế GTGT từ 10% xuống 8% kể từ ngày 01/7/2023 theo Nghị định 44/2023/NĐ-CP ban hành ngày 30/06/2023.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập chịu thuế từ Dịch vụ khám chữa bệnh được hưởng thuế suất ưu đãi là 10% trong suốt thời gian hoạt động, các khoản thu nhập ngoài dịch vụ khám chữa bệnh vẫn áp dụng mức thuế suất thông thường là 20%.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê như sau:

Vị trí đất	Mức tiền thuê
Nguyễn Đồng Chi, phường Tân Phú, quận 7 (5.000 m2)	414.180 VND/m2

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo về đơn giá thuê đất số 402/TB-CTTPHCM ngày 08/01/2024 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

13. Chi phí phải trả ngắn hạn	31/12/2023	01/01/2023
Chi phí xử lý rác y tế, rác sinh hoạt	215.066.880	301.172.544
Trích trước tiền thuê đất	1.484.435.959	-
Chi phí phải trả (tiền điện, nước, xét nghiệm, bảo trì máy chuyên dùng, hàng hóa đã nhận chưa xuất hóa đơn...)	3.587.916.379	3.867.269.301
Cộng	5.287.419.218	4.168.441.845

14. Phải trả khác ngắn hạn	31/12/2023	01/01/2023
Giữ hộ quỹ hỗ trợ bệnh nhân của tổ chức và cá nhân	1.174.321.455	1.174.321.455
Tiền tài trợ các hợp đồng nghiên cứu, hội thảo	2.220.143.234	2.183.587.622
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.142.725.147	56.752.049
Cộng	5.537.189.836	3.414.661.126

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

15. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu (Xem trang 35).**

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	31/12/2023		01/01/2023	
	Vốn góp	Tỷ lệ vốn góp	Vốn góp	Tỷ lệ vốn góp
Bà Nguyễn Thị Hạnh	15.552.000.000	10,00%	15.552.000.000	10,00%
Bà Nguyễn Thị Thu Hồng	12.350.000.000	7,94%	12.350.000.000	7,94%
Công ty CP Đầu Tư An Việt Hung	12.062.600.000	7,76%	16.662.600.000	10,71%
Vốn góp của các nhà đầu tư khác	115.555.400.000	74,30%	110.955.400.000	71,34%
Cộng	155.520.000.000	100%	155.520.000.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2023	Năm 2022
Vốn góp của chủ sở hữu	155.520.000.000	155.520.000.000
<i>Vốn góp đầu năm</i>	155.520.000.000	155.520.000.000
<i>Vốn góp cuối năm</i>	155.520.000.000	155.520.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	49.111.578.000	32.741.052.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.552.000	15.552.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.552.000	15.552.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.552.000	15.552.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.552.000	15.552.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.552.000	15.552.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.</i>	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2023	01/01/2023
Quỹ đầu tư phát triển	16.603.467.737	16.603.467.737
Quỹ khác thuộc nguồn vốn hữu sở hữu	1.845.698.259	2.244.888.857
Cộng	18.449.165.996	18.848.356.594

*** Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**a. Tài sản nhận giữ hộ:**

	Đơn vị tính	Số lượng	
		31/12/2023	01/01/2023
Vật tư ký gửi			
<i>Amplatez/Coil</i>	<i>Cái</i>	26	53
<i>Amplatez/Coil</i>	<i>Bộ</i>	2	2
<i>Anneaux</i>	<i>Cái</i>	27	0
<i>Ballon</i>	<i>Cái</i>	454	358
<i>Ballon</i>	<i>Bộ</i>	0	0
<i>Ballon</i>	<i>Bộ</i>	0	6
<i>Dụng Cụ Điện Sinh Lý</i>	<i>Cái</i>	56	50
<i>Dụng Cụ Điện Sinh Lý</i>	<i>Bộ</i>	25	2
<i>Pacemaker</i>	<i>Cái</i>	5	0
<i>Pacemaker</i>	<i>Bộ</i>	1	0
<i>Stent</i>	<i>Cái</i>	384	319
<i>Valve</i>	<i>Cái</i>	32	60
<i>Y Dụng Cụ</i>	<i>Bộ</i>	2	4
<i>Y Dụng Cụ</i>	<i>Cái</i>	39	15
Cộng		1.053	869

b. Ngoại tệ các loại

	31/12/2023		01/01/2023	
	Nguyên tệ	Giá trị (VND)	Nguyên tệ	Giá trị (VND)
USD	\$ 94.883,39	2.284.792.031	\$ 94.896,59	2.221.529.172
EUR	€ 22.588,77	595.669.253	€ 22.553,69	557.492.484
Cộng		2.880.461.284		2.779.021.656

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2023	Năm 2022
Doanh thu khám, chữa bệnh	557.773.048.604	563.442.629.518
Doanh thu bán thuốc	180.339.798.192	155.705.909.670
Doanh thu khác	3.640.257.685	4.679.264.145
Cộng	741.753.104.481	723.827.803.333

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2023	Năm 2022
Hàng bán bị trả lại	594.747.727	801.141.876
Cộng	594.747.727	801.141.876

3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2023	Năm 2022
Doanh thu khám, chữa bệnh	557.773.048.604	563.442.629.518
Doanh thu bán thuốc	179.745.050.465	154.904.767.794
Doanh thu khác	3.640.257.685	4.679.264.145
Cộng	741.158.356.754	723.026.661.457

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

Trang 26

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2023	Năm 2022
4. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn dịch vụ khám chữa bệnh	406.017.876.316	400.730.270.991
Giá vốn bán thuốc	157.479.517.764	135.393.625.098
Giá vốn khác	12.522.367.363	12.741.800.646
Cộng	576.019.761.443	548.865.696.735
5. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi	6.233.117.863	2.362.434.320
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	100.815.953	56.386.203
Cộng	6.333.933.816	2.418.820.523
6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	7.136.867.980	6.559.219.003
Chi phí vật liệu, bao bì	1.249.134.524	1.207.392.532
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	182.380.245	119.083.424
Chi phí khấu hao TSCĐ	8.362.665	2.552.081
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.288.110.456	5.397.178.852
Chi phí bằng tiền khác	653.243.246	1.398.490.025
Cộng	15.518.099.116	14.683.915.917
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	38.006.654.734	34.958.410.376
Chi phí vật liệu, bao bì	833.741.946	862.981.319
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.096.372.198	882.568.707
Chi phí khấu hao TSCĐ	6.581.903.805	6.076.117.153
Thuế, phí, lệ phí	1.487.435.959	1.919.910.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.612.114.701	10.144.333.930
Chi phí bằng tiền khác	4.000.092.697	5.089.826.347
Cộng	63.618.316.040	60.063.673.583
7. Thu nhập khác		
Xử lý vật tư thừa sau kiểm kê	856.732	104.622.785
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1.500.000	152.888.889
Các khoản khác	2.176.094.966	2.366.239.645
Cộng	2.178.451.698	2.623.751.319
8. Chi phí khác		
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	103.517.144	-
Xử lý vật tư thiếu sau kiểm kê	25.753	10.266.398
Các khoản bị phạt	293.187.535	301.201.532
Các khoản khác	312.873.723	193.136.537
Cộng	709.604.155	504.604.467

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2023	Năm 2022
9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	394.999.391.898	372.925.510.732
Chi phí nhân công	177.539.574.197	169.984.514.502
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.012.615.908	18.010.990.311
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.960.937.043	24.613.600.528
Chi phí khác bằng tiền	33.643.657.553	38.078.670.162
Cộng	655.156.176.599	623.613.286.235
10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2023	Năm 2022
1. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	10.728.386.078	11.750.381.392
2. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10.728.386.078	11.750.381.392
11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2023	Năm 2022
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	83.076.575.436	92.200.961.205
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	(4.990.756.716)	(4.819.234.604)
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và các quỹ khác	(4.990.756.716)	(4.819.234.604)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	78.085.818.720	87.381.726.601
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	15.552.000	15.552.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.021	5.619
12. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	Năm 2023	Năm 2022
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	78.085.818.720	87.381.726.601
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	78.085.818.720	87.381.726.601
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	15.552.000	15.552.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	15.552.000	15.552.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	5.021	5.619

VII. MỤC TIÊU VÀ CÁC CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm tiền gửi, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

1. Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022.

1.1. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các khoản tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Ngày 31 tháng 12 năm 2023		
Đồng Việt Nam	+100	1.343.378.544
Đồng Việt Nam	-100	(1.343.378.544)
Đô-la Mỹ	+100	22.847.920
Đô-la Mỹ	-100	(22.847.920)
Đồng EURO	+100	5.956.693
Đồng EURO	-100	(5.956.693)
Ngày 31 tháng 12 năm 2022		
Đồng Việt Nam	100	1.121.715.264
Đồng Việt Nam	-100	(1.121.715.264)
Đô-la Mỹ	100	22.215.292
Đô-la Mỹ	-100	(22.215.292)
Đồng EURO	+100	22.299.699
Đồng EURO	-100	(22.299.699)

Mức tăng/giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn không đáng kể so với các năm trước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

1.2. Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến phải thu khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu quá hạn và/hoặc bị suy giảm được trình bày trong bảng sau đây:

	Không quá hạn		Quá hạn	
	không bị suy giảm	bị suy giảm	không bị suy giảm	bị suy giảm
Ngày 31 tháng 12 năm 2023				
Dưới 90 ngày	3.719.883.542	-	-	-
91-180 ngày	-	-	-	-
>181 ngày	-	-	-	1.265.561.615
Tổng cộng giá trị ghi sổ	3.719.883.542	-	-	1.265.561.615
Dự phòng giảm giá trị	-	-	-	(1.265.561.615)
Giá trị thuần	3.719.883.542	-	-	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2022				
Dưới 90 ngày	3.248.914.462	-	-	-
91-180 ngày	-	-	-	-
>181 ngày	-	-	-	1.265.561.615
Tổng cộng giá trị ghi sổ	3.248.914.462	-	-	1.265.561.615
Dự phòng giảm giá trị	-	-	-	(1.265.561.615)
Giá trị thuần	3.248.914.462	-	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu.

Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	53.009.866.687	-	-	53.009.866.687
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	5.287.419.218	-	-	5.287.419.218
Cộng	58.297.285.905	-	-	58.297.285.905
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	40.894.349.791	-	-	40.894.349.791
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	4.168.441.845	-	-	4.168.441.845
Cộng	45.062.791.636	-	-	45.062.791.636

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản nợ đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng sẽ được trả đúng hạn.

VIII. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Xem bảng trình bày trang 36.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính dài hạn khác chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 31 tháng 12 năm 2022. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

IX. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN

TỆ: Không có.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

X. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**

Không có những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác ảnh hưởng đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính.

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

3. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

3a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Trong năm Công ty cũng không phát sinh giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

3a.1. Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

3a.2. Giao dịch khác

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

3a.3. Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

3a.4. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

+ Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc		Năm 2023	Năm 2022
Thu nhập của Hội đồng Quản trị	Thù lao, lương và thưởng	2.199.433.848	1.555.489.154
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	Lương và thưởng	9.840.241.540	9.461.308.169
Thu nhập của Ban Kiểm soát	Thù lao, lương và thưởng	468.000.000	465.200.000
Cộng		12.507.675.388	11.481.997.323

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Trụ sở chính của Công ty tọa lạc trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và không có chi nhánh nên trình bày báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh, còn báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý không trình bày.

4.1. Báo cáo bộ phận: theo lĩnh vực kinh doanh

	Lĩnh vực dịch vụ khám, chữa bệnh và lĩnh vực khác	Lĩnh vực kinh doanh bán thuốc	Tổng cộng
Năm 2023			
Doanh thu thuần	561.413.306.289	179.745.050.465	741.158.356.754
Giá vốn	418.540.243.679	157.479.517.764	576.019.761.443
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	142.873.062.610	22.265.532.701	165.138.595.311
Năm 2022			
Doanh thu thuần	568.121.893.663	154.904.767.794	723.026.661.457
Giá vốn	413.472.071.637	135.393.625.098	548.865.696.735
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	154.649.822.026	19.511.142.696	174.160.964.722

4.2. Báo cáo bộ phận thứ yếu: theo khu vực địa lý

Trụ sở chính của Công ty tọa lạc trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và không có chi nhánh. Vì vậy, Công ty không trình bày thuyết minh báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

5. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

Tp. HCM, ngày 15 tháng 03 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU - KẾ TOÁN TRƯỞNG


Ths. Phan Thị Thanh Nga

TỔNG GIÁM ĐỐC

Bs. CKI. Đỗ Văn Bửu Đan

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.7. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	140.710.891.435	218.340.836.351	6.512.850.028	2.162.838.499	395.290.761	368.122.707.074
Mua trong năm	-	23.628.733.100	1.286.753.440	543.670.000	-	25.459.156.540
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.273.605.921)	(482.270.400)	(298.591.576)	-	(3.054.467.897)
Số dư cuối năm	140.710.891.435	239.695.963.530	7.317.333.068	2.407.916.923	395.290.761	390.527.395.717
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	65.245.626.269	147.052.304.913	3.772.184.761	1.439.937.107	336.353.215	217.846.406.265
Khấu hao trong năm	4.586.302.284	13.158.907.192	779.597.907	224.967.614	15.647.354	18.765.422.351
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.174.672.277)	(482.270.400)	(292.008.076)	-	(2.948.950.753)
Số dư cuối năm	69.831.928.553	158.036.539.828	4.069.512.268	1.372.896.645	352.000.569	233.662.877.863
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	75.465.265.166	71.288.531.438	2.740.665.267	722.901.392	58.937.546	150.276.300.809
Số dư cuối năm	70.878.962.882	81.659.423.702	3.247.820.800	1.035.020.278	43.290.192	156.864.517.854

* Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: không có.

* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 98.758.911.818 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm chờ thanh lý: không có.

* Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có.

* Các thay đổi khác về tài sản cố định hữu hình: không có.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.15. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	155.520.000.000	1.407.488.000	16.603.467.737	603.561.923	43.654.694.941	217.789.212.601
Lợi nhuận	-	-	-	-	92.200.961.205	92.200.961.205
Trích lập các quỹ	-	-	-	3.319.234.604	(4.819.234.604)	(1.500.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(32.741.052.000)	(32.741.052.000)
Giảm khác	-	-	-	(1.677.907.670)	-	(1.677.907.670)
Số dư cuối năm trước	155.520.000.000	1.407.488.000	16.603.467.737	2.244.888.857	98.295.369.542	274.071.214.136
Số dư đầu năm nay	155.520.000.000	1.407.488.000	16.603.467.737	2.244.888.857	98.295.369.542	274.071.214.136
Lợi nhuận	-	-	-	-	83.076.575.436	83.076.575.436
Trích lập các quỹ (*)	-	-	-	2.990.756.716	(4.990.756.716)	(2.000.000.000)
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	(49.111.578.000)	(49.111.578.000)
Giảm khác	-	-	-	(3.389.947.314)	-	(3.389.947.314)
Số dư cuối năm nay	155.520.000.000	1.407.488.000	16.603.467.737	1.845.698.259	127.269.610.262	302.646.264.258

(*) Căn cứ theo Nghị quyết 01.2023/NQ-ĐHCD ngày 28/4/2023, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2022 và tạm trích các quỹ năm 2023, chia cổ tức năm 2022 cụ thể như sau:

Năm 2023**- Trích lập các quỹ**

+ Tạm trích quỹ hoạt động Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát năm 2023	2.990.756.716
+ Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023 theo kế hoạch phân phối lợi nhuận	2.000.000.000
	<u>4.990.756.716</u>

- Chia cổ tức

+ Tạm chia cổ tức đợt 2 năm 2022 theo kế hoạch phân phối lợi nhuận	16.370.526.000
+ Chia cổ tức năm 2022 theo Nghị quyết 01.2022/NQ-ĐHCD ngày 28/04/2023	16.370.526.000
+ Tạm chia cổ tức đợt 1 năm 2023 theo kế hoạch phân phối lợi nhuận	16.370.526.000
	<u>49.111.578.000</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VIII. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2023		31/12/2022		31/12/2023	31/12/2022
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Giá trị
Tài sản tài chính						
- Phải thu khách hàng	4.985.445.157	(1.265.561.615)	4.514.476.077	(1.265.561.615)	3.719.883.542	3.248.914.462
- Phải thu khác	17.510.602.097	-	12.543.446.003	-	17.510.602.097	12.543.446.003
- Tiền và các khoản tương đương tiền	50.675.203.558	-	68.447.150.533	-	50.675.203.558	68.447.150.533
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	86.543.112.080	-	46.503.397.540	-	86.543.112.080	46.503.397.540
TỔNG CỘNG	159.714.362.892	(1.265.561.615)	132.008.470.153	(1.265.561.615)	158.448.801.277	130.742.908.538
Nợ phải trả tài chính						
- Phải trả người bán	53.009.866.687	-	40.894.349.791	-	53.009.866.687	40.894.349.791
- Nợ phải trả tài chính khác, chi phí phải trả	5.287.419.218	-	4.168.441.845	-	5.287.419.218	4.168.441.845
TỔNG CỘNG	58.297.285.905	-	45.062.791.636	-	58.297.285.905	45.062.791.636

PHỤ LỤC II

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

BIÊN BẢN LÀM VIỆC BAN KIỂM SOÁT

Hôm nay, ngày 21 tháng 03 năm 2024, chúng tôi gồm có:

Ban Kiểm soát:

1. CN.Vương Thị Quỳnh Anh : Trưởng ban
2. Bà Bùi Thúy Kiều : Thành viên
3. BS.Lê Thị Huyền Trang : Thành viên

Đại diện Công ty Cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức :

1. Bs.CKI.Đỗ Văn Bửu Đan : Tổng Giám Đốc
2. Ths.Phan Thị Thanh Nga : Giám Đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng

Ban Thư ký: CN.Trương Thị Mai Lan

Sau khi đã kiểm tra chứng từ, sổ sách và các báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty Cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức, chúng tôi thống nhất như sau :

A. KẾT QUẢ KIỂM SOÁT CHUYÊN MÔN:

Kết quả hoạt động chuyên môn năm 2023 đạt kết quả tốt trong tình hình kinh tế khó khăn, Ban Lãnh đạo Bệnh viện đưa ra nhiều giải pháp để đạt được kế hoạch năm đã đề ra, và với những nỗ lực rất lớn của đội ngũ các bác sĩ, điều dưỡng và nhân viên y tế, Tâm Đức đã thực hiện được như sau :

- Khám chữa bệnh ngoại trú tăng 3% so với năm 2022 (79.816/77.417 lượt) trong đó khám tim mạch tăng 2,9% (78.296/76.062 lượt). Mỗi ngày có trên 300 người bệnh đến khám, trong đó 18% là bệnh nhân mới.
- Về điều trị nội trú, năm 2023 có số ca tăng 6% so với năm 2022 (4.671/4.417 ca/năm).
- Thông tin can thiệp năm 2023 tăng 7,7% so với năm 2022 (1.722/1.599 bệnh nhân/năm).
- Số ca thực hiện kỹ thuật điện sinh lý tim năm 2023 tăng 4,5% so với năm 2022 (416/398 ca/năm).
- Hoạt động phẫu thuật tim ổn định với 442 trường hợp tương đương với năm 2022 (442/443 ca).
- Về bảo hiểm y tế năm 2023 so với năm 2022 : số lượt BHYT chung tăng 12,7% (11.464/10.171 lượt), nhưng tổng số tiền thanh toán BHYT giảm khoảng 6% (81,8 tỷ/86,7 tỷ). Khối ngoại trú có 7.676 lượt bệnh nhân BHYT, chiếm 9,6% trong tổng số bệnh nhân đến khám (7.676/79.816 lượt). Khối nội trú có 3.788 lượt bệnh nhân BHYT, chiếm 81% trong tổng số ca nằm viện (3.788/4.671 ca).

B. KẾT QUẢ KIỂM SOÁT TÀI CHÍNH KẾ TOÁN:

- Tổng doanh thu năm 2023 : 749.670.742.268 VND, tăng 3% so với năm 2022 (749 tỷ / 728 tỷ), vượt 10% so với chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 là 680 tỷ.
- Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2023 : 93.804.961.514 VND, giảm 9,8% so với thực hiện năm 2022 (93 tỷ /103 tỷ), nhưng vượt 13% so với kế hoạch năm 2023 là 82 tỷ.

- Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2023 : 83.076.575.436 VND, giảm 9,9% so với thực hiện năm 2022 (83 tỷ /92 tỷ), nhưng vượt 12% so với kế hoạch năm 2023 là 74 tỷ.
- Bình quân lãi cơ bản là 5.021 VND/cổ phiếu so với năm 2022 là 5.619 VND/cổ phiếu, giảm 10%. Vốn điều lệ : 155,52 tỷ, tổng số cổ phiếu là : 15.552.000 CP.

Với số liệu tài chính năm 2023 như trên cho thấy Bệnh viện tim Tâm Đức đã vượt kế hoạch tài chính năm 2023 đã đề ra.

C. NHẬN XÉT CỦA BAN KIỂM SOÁT :

- Bệnh viện Tim Tâm Đức chính thức hoạt động từ tháng 3/2006 và đã có kết quả tài chính dương liên tiếp 17 năm liền từ năm 2007 đến nay.
- Ban Lãnh đạo bệnh viện vẫn tiếp tục phát huy tốt vai trò quản lý, bảo toàn và phát triển nguồn vốn của bệnh viện. Đội ngũ bác sĩ, điều dưỡng của Tâm Đức đã trưởng thành, trình độ luôn được nâng cao.
- Tháng 10/2018, Khu Khám điều trị đặc biệt và Săn sóc đặc biệt đi vào hoạt động, đáp ứng nhu cầu khám, điều trị và chăm sóc chất lượng cao, đã nâng cao uy tín và ảnh hưởng quan trọng đến kết quả tài chính của Tâm Đức. Đến nay đã có 63.210 lượt bệnh nhân khám ngoại trú, 1.759 lượt bệnh nhân điều trị nội trú, khu Hồi sức đặc biệt đã điều trị cho 1.787 lượt bệnh nhân.
- Quản lý tài chính về mặt sổ sách chứng từ đúng quy củ và theo chuẩn mực kế toán hiện hành, được Công ty kiểm toán soát xét tình hình tài chính vào giữa niên độ và cuối niên độ tài chính.
- Để duy trì và nâng cao chất lượng bệnh viện, đầu năm 2023 Ban Lãnh đạo đã có chỉ đạo các trưởng bộ phận lập kế hoạch cải tiến chất lượng của từng khoa phòng. Phòng Quản lý chất lượng bệnh viện có nhiệm vụ kiểm tra giám sát chặt chẽ việc thực hiện các cải tiến chất lượng này.
- Tâm Đức vẫn tiếp tục chủ động phối hợp chặt chẽ với địa phương và các nhà tài trợ để tăng số lượng trẻ em nghèo được mổ tim và số bệnh nhân được phẫu thuật.
- Như vậy, sau hơn 2 năm ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 (năm 2020 và nặng nề nhất vào năm 2021) các số liệu trên đã cho thấy sự hồi phục rất tốt về hoạt động chuyên môn, hoạt động tài chính và trên hết Bệnh viện Tim Tâm Đức vẫn luôn nhận được sự tin tưởng của người bệnh.

Biên bản được lập ngày 21 tháng 03 năm 2024 và lập thành 3 bản (mỗi bản gồm 2 trang) có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản và Ban Thư ký giữ 01 bản.

CT CP Bệnh viện Tim Tâm Đức

Ban kiểm soát

Ban Thư ký

Tổng Giám Đốc

Trưởng Ban



BS. CKI Đỗ Văn Bửu Đan

CN. Vương Thị Quỳnh Anh

CN. Trương Thị Mai Lan

ĐBTC kiêm Kế toán Trưởng

Thành viên BKS

Ths. Phan Thị Thanh Nga

Bà Bùi Thúy Kiều

BS. Lê Thị Huyền Trang



BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC

Khu đô thị mới Phú Mỹ Hưng, Nam Sài Gòn - 04 Nguyễn Lương Bằng, P. Tân Phú, Quận 7, TP.HCM.
Website: www.tamduchearthospital.com Điện thoại: 028 54110036 Fax: 028 54110029